NAVICO
NAM VIET CORPORATION

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN 2025



THẾ CỜ VỮNG CHẮC
DẪN DẮT THỜI CUỘC

DANH MỤC VIẾT TẮT

BKTNB	Ban Kiểm toán nội bộ
BTGĐ	Ban Tổng Giám đốc
CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
CP	Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
ISO	Tiêu chuẩn ISO
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
NAVICO	Được hiểu là Tập đoàn Nam Việt
QTRR	Quản trị rủi ro
SXKD	Sản xuất kinh doanh
KTNB	Kế toán nội bộ
TGĐ	Tổng giám đốc
CTY	Công ty



Thông điệp Tổng giám đốc **08**

Thông điệp TGĐ 08

Tầm nhìn - sứ mệnh: Chiến lược phát triển 5 năm 10

12 **Chương 1** Tổng quan về NAVICO

13 Thông tin khái quát

14 Quá trình hình thành và phát triển

16 Ngành nghề kinh doanh

18 Địa bàn kinh doanh

20 Mô hình kinh doanh

Chương 2 Hoạt động trong năm 2025 **26**

Môi trường kinh doanh 28

Tình hình hoạt động kinh doanh 30

Nguồn lực lao động 36

38 **Chương 3** Quản trị công ty

40 Bộ máy quản trị

41 Hội đồng quản trị

42 Ban lãnh đạo công ty

45 Ban kiểm toán nội bộ

47 Đánh giá của ban Tổng giám đốc

51 Đánh giá của Hội đồng quản trị

53 Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chương 4 Chiến lược phát triển **60**

Triển vọng kinh tế 2026 - 2027 62

Chiến lược phát triển của NAVICO 66

68 **Chương 5** Báo cáo phát triển bền vững

71 Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững

78 Báo cáo chi tiết

82 Báo cáo các hoạt động tiêu biểu 2025

96 Chiến lược phát triển bền vững

Chương 6 Báo cáo tài chính hợp nhất **100**

Báo cáo của HĐQT 102

Báo cáo kiểm toán độc lập 106

Bảng cân đối kế toán hợp nhất 107

Phụ lục 114

DẤU ẤN NAVICO



DẤU ẤN
01

Hơn 31 năm
Hình thành và phát triển



DẤU ẤN
02

2.667 tỷ đồng
Vốn chủ sở hữu



DẤU ẤN
03

6.952 tỷ đồng
Doanh thu thuần



DẤU ẤN
04

100% tự chủ
Thức ăn chăn nuôi
và cá nguyên liệu



DẤU ẤN
05

10 dây chuyền
Sản xuất công suất
1.000 tấn/ngày

- Tăng trưởng **142%** so với năm 2024
- Xuất khẩu đến hơn **100 quốc gia** trên thế giới
- **1.100 ha** diện tích vùng nuôi - trong đó có **600 ha** vùng nuôi công nghệ cao tại Bình Phú
- **4** nhà máy chế biến
- **Top 25** thương hiệu công ty F&B dẫn đầu năm 2023, do Forbes Việt Nam bình chọn
- **Top 1** Doanh nghiệp Xuất khẩu Xuất sắc tỉnh An Giang năm 2025, do Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) vinh danh

Ông

DOÃN TỚI

Tổng Giám Đốc CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

NAVICO được xây dựng trên một niềm tin không thoả hiệp: Khi một tập thể cùng chung chí hướng, gắn kết bền chặt và không một ai bị bỏ lại phía sau, **NỀN TẢNG SỨC MẠNH THỰC SỰ** sẽ được hình thành, tạo đà **BỨT PHÁ** và tự tin **DẪN DẮT THỜI CUỘC**.

...



THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Đối tác, Quý Khách hàng cùng toàn thể Cán bộ nhân viên,

Năm 2025 là một năm nhiều biến động, khi kinh tế thế giới tiếp tục chịu sức ép từ bất ổn địa chính trị, chi phí logistics và năng lượng gia tăng, xu hướng bảo hộ thương mại kéo dài và áp lực lên chuỗi cung ứng toàn cầu chưa hạ nhiệt. Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp không thể chỉ trông chờ vào khả năng thích ứng, mà phải có đủ bản lĩnh để chủ động lựa chọn hướng đi, đủ nội lực để giữ vững thế đứng và đủ tầm nhìn để tạo ra động lực tăng trưởng mới.

Với NAVICO, 2025 không chỉ là một năm vượt thử thách, mà còn là một năm khẳng định rõ năng lực điều hành, sức bền nội tại và bản lĩnh bứt phá. Chúng tôi bước vào năm bằng một tinh thần dứt khoát hơn, vững vàng hơn: không chấp nhận đứng yên trong vùng an toàn, không hài lòng với những giới hạn cũ, và không ngừng tìm kiếm những dư địa tăng trưởng mới để dẫn dắt tương lai. Chúng tôi dám bước ra khỏi vùng an toàn vốn gắn với cá tra, để mở rộng tư duy, đầu tư lại, nghiên cứu lại và kiên định theo đuổi cơ hội mới với cá rô phi. Đây không phải là một quyết định dễ dàng. Đó là lựa chọn của bản lĩnh, của tư duy dài hạn và của một doanh nghiệp sẵn sàng chấp nhận thử thách để vươn tới quy mô lớn hơn, vị thế cao hơn và năng lực cạnh tranh bền vững hơn.

NAVICO tin rằng chỉ những doanh nghiệp dám đi trước, dám thay đổi và dám đặt mình vào những bài toán khó mới có thể tạo ra bước ngoặt thật sự. Và thực tế đã chứng minh, từ một hướng đi mới đầy thách thức, Doanh nghiệp đã từng bước khẳng định năng lực phát triển cá rô phi, mở rộng thị trường xuất khẩu, tạo thêm một trụ cột tăng trưởng có giá trị cho tương lai và trở thành Top 1 Doanh nghiệp xuất khẩu cá rô phi hàng đầu Việt Nam.

Kết quả đó không đến từ may mắn. Kết quả đó được tạo nên từ sự đồng lòng của cả hệ thống, từ năng lực thực thi quyết liệt, từ tinh thần dám nghĩ lớn, dám làm khác và từ nền tảng giá trị cốt lõi mà NAVICO luôn kiên định theo đuổi. Chúng tôi giữ vững tinh thần Nhân văn, nuôi dưỡng Bản lĩnh kinh doanh, đề cao sự Tận tâm trong từng chi tiết, kiên định với Chính trực, minh bạch và không ngừng nâng tầm bằng Bản sắc Việt cùng tư duy toàn cầu. Chính nền tảng ấy giúp NAVICO không chỉ đứng vững trước biến động, mà còn đủ vững chắc để chuyển mình mạnh mẽ và đi xa hơn.

Phía trước vẫn còn nhiều thách thức, nhưng NAVICO bước tiếp với một tâm thế vững vàng hơn, tự tin hơn và chủ động hơn. Chúng tôi tin rằng khi chiến lược đúng, nội lực đủ mạnh và toàn hệ thống cùng chung một ý chí, mọi giới hạn đều có thể vượt qua. NAVICO sẽ tiếp tục kiên định với con đường phát triển bền vững, mở rộng dư địa tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế và khẳng định vị thế của một doanh nghiệp thủy sản Việt Nam đủ tầm vóc để dẫn dắt thời cuộc.

Kính chúc Quý cổ đông, Quý Đối tác, Quý khách hàng cùng toàn thể Cán bộ nhân viên sức khỏe, hạnh phúc và thành công rực rỡ!

Trân trọng,
Tổng Giám Đốc
DOÃN TỚI

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH

Trở thành thương hiệu **số một Thế giới** trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu **cá tra & cá rô phi**, góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành thủy sản, nâng tầm vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Phát triển xã hội và bảo vệ môi trường; thực hiện chính sách đầu tư gắn với **các yếu tố ESG** (môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp); **thực thi đầy đủ trách nhiệm với xã hội và cộng đồng**; luôn là TOP Công ty đóng thuế của địa bàn Cần Thơ và An Giang,hoàn thiện nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước; tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động thiện nguyện; **phụng sự vì sự thịnh vượng** của đất nước.

Cam kết mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng uy tín, chất lượng vượt trội, tạo ra các giá trị đích thực vì **sức khỏe và cuộc sống** của người tiêu dùng.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 5 NĂM 2025 - 2030

Trong bối cảnh ngành thủy sản toàn cầu bước vào giai đoạn tái cấu trúc mạnh mẽ theo hướng bền vững, minh bạch và ứng dụng công nghệ cao, NAVICO kiên định theo đuổi chiến lược phát triển dài hạn dựa trên nền tảng chuỗi giá trị tích hợp, đổi mới công nghệ và quản trị hiện đại. Giai đoạn 2025 – 2030 đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của NAVICO với mục tiêu tăng trưởng bền vững, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm cá tra & cá rô phi Việt Nam và khẳng định vị thế thương hiệu quốc gia trên thị trường Quốc tế.

NÂNG TẦM HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong toàn bộ chuỗi sản xuất, đặc biệt nâng cao khả năng kháng bệnh, thích nghi môi trường và chất lượng thịt cá. Đồng thời áp dụng các mô hình nuôi trồng hiện đại và giải pháp quản lý môi trường để tối ưu năng suất và đảm bảo tính bền vững, phát triển chuỗi giá trị thủy sản tích hợp từ con giống, nuôi trồng, chế biến đến xuất khẩu đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc theo tiêu chuẩn thị trường Quốc tế.

NÂNG CẤP QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Chú trọng hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng hiện đại, minh bạch và hiệu quả. Ngoài ra, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo AI và thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và vận hành sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và tối ưu hóa nguồn lực.

ĐA DẠNG HÓA DANH MỤC SẢN PHẨM

Đổi mới sản phẩm là một trong những trụ cột chiến lược của NAVICO trong giai đoạn tới. Tập đoàn đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm, đặc biệt là các dòng sản phẩm chế biến sâu từ cá tra và cá rô phi có giá trị gia tăng cao.

Tập trung cải tiến chất lượng, mẫu mã và tiêu chuẩn chế biến với sản phẩm hiện tại; đồng thời phát triển các dòng sản phẩm mới phù hợp với xu hướng tiêu dùng toàn cầu như thực phẩm tiện lợi, thực phẩm dinh dưỡng và các sản phẩm thủy sản chế biến cao cấp.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Duy trì hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm theo nhiều tiêu chuẩn quốc tế như BAP 4 sao, ASC, BRCGS Food Safety, SMETA, HACCP, FDA và HALAL. Các chứng nhận này giúp doanh nghiệp đảm bảo sản phẩm đáp ứng yêu cầu khắt khe về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm xã hội, đồng thời nâng cao uy tín của NAVICO trên thị trường xuất khẩu toàn cầu...

MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG & NÂNG CAO VỊ THẾ THƯƠNG HIỆU

Tiếp tục đẩy mạnh chiến lược mở rộng thị trường tiêu thụ, đặc biệt tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm và tiềm năng. Thông qua việc không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế khắt khe và tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, Công ty từng bước mở rộng mạng lưới phân phối trên toàn cầu, xây dựng thương hiệu thủy sản Việt Nam, hướng tới mục tiêu gia tăng thị phần và nâng cao giá trị thương hiệu trong chuỗi cung ứng thủy sản Thế giới.

PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP & NHÂN LỰC

NAVICO xác định con người là yếu tố trung tâm trong chiến lược phát triển bền vững. Tập đoàn chú trọng đầu tư vào các chương trình đào tạo toàn diện nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý và phát triển đội ngũ lãnh đạo kế thừa.

Bên cạnh đó, NAVICO triển khai các chương trình đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho các đối tác trong chuỗi cung ứng, nhằm đảm bảo tuân thủ các quy trình nuôi trồng, tiêu chuẩn chất lượng và định hướng phát triển bền vững.

Thông qua việc xây dựng một văn hóa doanh nghiệp minh bạch, trách nhiệm và đổi mới, NAVICO hướng tới việc phát triển một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, gắn kết và có năng lực cạnh tranh trong môi trường toàn cầu.

CHƯƠNG 01

Từ những năm 90, sông Hậu đã nuôi dưỡng niềm tự hào của bao thế hệ gắn bó với nghề nuôi trồng thủy sản. NAVICO ra đời vào năm 2000, tiếp nối hành trình vẻ vang ấy với sứ mệnh mang tinh hoa từ vùng sông nước quê hương – như cá tra, cá rô phi – vươn xa hơn đến với từng bữa ăn Việt Nam và trên toàn thế giới.

Bên cạnh sự cam kết về chất lượng sản phẩm, chúng tôi luôn đảm bảo tôn chỉ hoạt động theo định hướng **ESG** để mang đến **SỰ BỀN VỮNG** cho hệ sinh thái và **NÂNG TẦM SỨC KHỎE** cho cộng đồng.

Tổng quan về NAVICO

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:
Công ty Cổ phần Nam Việt
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh An Giang cấp ngày 02/10/2006, thay đổi lần thứ 17 ngày 23 tháng 7 năm 2025.

Vốn điều lệ:

2.666.675.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.666.675.000.000 đồng.

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, An Giang.

Số điện thoại: (0296) 3834 065 - (0296) 3834 060.

Số fax: (0296) 3834 054 - (0296) 3932 486.

Website: www.navicorp.com.vn

Mã cổ phiếu: ANV





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



1993

Công ty Cổ phần Nam Việt có tiền thân là Công ty TNHH Nam Việt được thành lập vào năm 1993, hoạt động trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp.



2000

Bước chuyển mình quan trọng của Công ty khi chuyển hướng sang lĩnh vực chế biến thủy sản, thành lập Nhà máy đông lạnh Nam Việt DL152 công suất 150 tấn/ngày.



2006

Chuyển hình thức sang Công ty Cổ phần với số vốn điều lệ là 660 tỷ đồng, nắm giữ vị trí xuất khẩu số 1 của ngành thủy sản Việt Nam.



2007

Tháng 12/2007: Cổ phiếu Nam Việt chính thức được niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là ANV.



2011

Hình thành vùng nuôi cá nguyên liệu, tự chủ nguồn nguyên liệu đầu vào.



2025

Doanh thu là 6.952 tỷ đồng, đạt 142% so với năm 2024, lợi nhuận trước thuế đạt 1.152 tỷ đồng, đạt 1.468% so với năm 2024.



2022

Xuất khẩu vào thị trường Mỹ, đánh dấu sự trở lại của NAVICO ở thị trường này sau 16 năm vắng bóng.



2021

Khởi công nhà máy Amicogen, tổng mức đầu tư 46 tỷ 480 triệu đồng, sản xuất collagen và gelatin với công suất 780 tấn/năm.



2018

Đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú diện tích 600 ha.



2016

Công ty đã có 8 dây chuyền sản xuất thức ăn với tổng công suất lên đến 800 tấn/ngày, đáp ứng 100% nhu cầu thức ăn cho 250 ha vùng nuôi.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

NAVICO: Chuỗi giá trị khép kín – Chất lượng chuẩn quốc tế

Với thế mạnh tự chủ 1.100 ha vùng nuôi, NAVICO tự hào làm chủ quy trình sản xuất khép kín từ thức ăn, nuôi trồng đến chế biến thành phẩm. Chúng tôi cam kết kiểm soát 100% chất lượng đầu ra, tối ưu hóa lợi thế cạnh tranh thông qua mô hình hợp tác hệ sinh thái bền vững.

NAVICO – Vì sức khỏe cộng đồng và niềm tin của khách hàng toàn cầu.



NUÔI TRỒNG THỦY SẢN



CHẾ BIẾN & BẢO QUẢN THỦY SẢN



SẢN XUẤT COLLAGEN & GELATIN



SẢN XUẤT BAO BÌ



SẢN XUẤT & CHẾ BIẾN THỨC ĂN THUỶ SẢN



SẢN XUẤT ĐIỆN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

ĐỊA BÀN KINH DOANH

"NAVICO tự hào là một trong những doanh nghiệp xuất khẩu cá tra và cá rô phi hàng đầu Thế giới, đưa sản phẩm chất lượng cao chinh phục hơn 100 quốc gia, góp phần khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường quốc tế."



DANH MỤC SẢN PHẨM

SẢN PHẨM CÁ

CÁ TRA


FILLET CÓ DA


FILLET TRẮNG


FILLET ĐỎ


CÁ NGUYÊN CON


XẺ BƯỚM


HGT

CÁ BỘ PHI - DIÊU HỒNG


CÁ RÔ PHI NGUYÊN CON


CÁ DIÊU HỒNG NGUYÊN CON


CÁ FILLET XÔNG CO


CÁ XẺ BƯỚM


CÁ FILLET


THỊT LƯNG

SẢN PHẨM CHĂM SÓC SỨC KHỎE



COLLAGEN & GELATIN

CÁC BÊN LIÊN QUAN

- **Cổ đông/Nhà đầu tư**

NAVICO luôn nỗ lực đảm bảo quyền lợi và gia tăng giá trị cho các cổ đông của Công ty. Cơ cấu cổ đông được duy trì với tỷ lệ Nhà đầu tư trong và ngoài nước là 95,57%/4,43% và Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân 5,03%/94,97% (tại ngày 31/12/2025).

- **Chính phủ và Các hiệp hội ngành**

Công ty cam kết phát triển kinh tế địa phương, thực hiện trách nhiệm xã hội Doanh nghiệp, đóng góp vào ngân sách nhà nước trên tinh thần thượng tôn pháp luật.

- **Người lao động**

Công ty thực hiện chính sách nhân sự đa dạng, bình đẳng và hòa nhập, tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho CBCNV. Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số lao động của Công ty là 5.770 người.

- **Cộng đồng xã hội**

NAVICO tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, thúc đẩy công bằng xã hội, nỗ lực hành động nhằm tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường. Hằng năm, Công ty đều có những đóng góp vào các quỹ từ thiện như Quỹ Mùa xuân, Quỹ Công tác xã hội từ thiện, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ Học bổng,...



NGUỒN LỰC

- **Thiên nhiên**

Hoạt động của NAVICO dựa vào các nguồn lợi tự nhiên phong phú như tài nguyên sinh vật trong vùng nước tự nhiên, tài nguyên nước, đất...

- **Hạ tầng**

Công ty đang sở hữu 1.100ha vùng nuôi, trong đó có 600ha vùng nuôi công nghệ cao và 4 nhà máy chế biến với tổng công suất thiết kế 1.000 tấn cá nguyên liệu/ngày. Nhà máy sản xuất Collagen peptide và Gelatine AMINAVICO chính thức được đưa vào hoạt động với công suất chế biến 780 tấn/năm.

- **Sản xuất**

NAVICO sở hữu 4 nhà máy chế biến với công suất cao, công nghệ hiện đại, đạt đầy đủ các chứng nhận chất lượng ISO, Global G.A.P, HACCP, IFS, BRC, GMP, HALAL, BAP, ASC.

CHUỖI GIÁ TRỊ

Đầu vào

- **Nghiên cứu phát triển**

Nghiên cứu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng để đáp ứng đầy đủ nhu cầu khách hàng cũng như đa dạng hóa thị trường và sản phẩm.

- **Vùng nuôi/Vùng nguyên liệu**

Hoạt động của NAVICO dựa vào các nguồn lợi tự nhiên phong phú như tài nguyên sinh vật trong vùng nước tự nhiên, tài nguyên nước, đất,...

Đầu ra

- **Mạng lưới phân phối toàn cầu**

NAVICO có hệ thống và mạng lưới phân phối rộng khắp trên thế giới. Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược đa dạng hóa thị trường, mở rộng thị phần xuất khẩu và quan tâm phát triển thị trường nội địa.

MÔ HÌNH PHỨC HỢP

Từ nuôi trồng đến bàn ăn của NAVICO



CÁC CÔNG TY CON

1 Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương

Địa chỉ	Lô A4 KCN Thốt Nốt, Phường Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại	02923 649 262
Vốn điều lệ	36.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	36.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản; chế biến dầu cá, bột cá

2 Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú

Địa chỉ	19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	02963 932 486
Vốn điều lệ	540.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	540.000.000.000VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	Nuôi trồng thủy sản

3 Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt

Địa chỉ	19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	02963 932 486
Vốn điều lệ	5.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	5.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất phân bón hữu cơ

4 Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar

Địa chỉ	19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	02963 932 486
Vốn điều lệ	180.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	180.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất điện năng lượng mặt trời

5 Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar

Địa chỉ	19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	02963 932 486
Vốn điều lệ	5.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	5.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất điện năng lượng mặt trời

6 Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar

Địa chỉ	19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	02963 932 486
Vốn điều lệ	5.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	5.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất điện năng lượng mặt trời

CÔNG TY LIÊN DOANH

7 Công ty TNHH MTV Chế biến thức ăn Thủy sản Nam Việt

Địa chỉ	Lô A4 KCN Thốt Nốt, Phường Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại	02923 649 262
Vốn điều lệ	200.000.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	200.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản

1 Công ty TNHH Amicogen Nam Việt

Địa chỉ	Lô A4 KCN Thốt Nốt, Phường Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại	0296 649 769
Vốn điều lệ	138.480.000.000 VND
Vốn NAVICORP góp	69.240.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	50%
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất collagen và gelatin



CÁC CHỨNG NHẬN



CHƯƠNG 02

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025



MÔI TRƯỜNG & KINH DOANH

Năm 2025, tình hình chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp; gây tăng chi phí vận tải biển và biến động. Ngành cá tra, cá rô phi Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng. Kết quả, kim ngạch xuất khẩu cá tra đạt gần 2,2 tỷ USD (tăng 8%), cá rô đạt 99 triệu USD (tăng 141%).

2,2 TỶ USD



BẢNG TOP 5 DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU CÁ RÔ PHI NĂM 2025

STT	Doanh nghiệp	Địa điểm hoạt động
1	Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương (thuộc NAVICO)	Cần Thơ
2	Công ty TNHH Đầu tư và Tài chính V	Khánh Hoà
3	Công ty Cổ phần Nam Việt (NAVICO)	An Giang
4	Công ty TNHH XNK Thuỷ hải sản Kim Phát	TP.HCM
5	Công ty TNHH Thuỷ sản NVD	Cà Mau

(Nguồn: Đánh giá từ Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP))

TOP 1
XUẤT KHẨU CÁ RÔ PHI

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành, NAVICO vừa chịu ảnh hưởng từ những biến động của kinh tế thế giới, vừa hưởng lợi từ xu hướng tích cực của ngành thủy sản Việt Nam.

Công ty không ngừng đổi mới, ứng dụng công nghệ kỹ thuật cao để tối ưu hóa sản xuất, nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng và mở rộng thị trường. Nhờ chiến lược đúng đắn, doanh thu năm 2025 là 6.952 tỷ đồng, đạt 142% so với năm 2024, lợi nhuận trước thuế đạt 1.152 tỷ đồng, đạt 1.468% so với năm 2024.

THUẬN LỢI

Chuỗi quy trình giá trị

KHÉP KÍN

Duy trì chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất thức ăn, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Đảm bảo số lượng và chất lượng nghiêm ngặt từ thị trường.

Năng lực sản xuất vượt trội

1000 t Nguyên liệu / Ngày

Hệ thống nhà máy hiện đại với công suất 1.000 tấn nguyên liệu/ngày. Đảm bảo đáp ứng đủ chỉ tiêu cả lúc cao điểm.

Tự chủ nguồn cung

Đáp ứng 100 %

Công suất nhà máy chế biến thức ăn lớn có khả năng đáp ứng 100% nhu cầu của toàn bộ vùng nuôi.

Lợi thế địa lý

ĐỊA LỢI & THÍCH NGHI

Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện sinh thái thuận lợi cho việc nuôi cá tra, cá rô phi quy mô lớn. Hơn hết An Giang không bị ảnh hưởng xâm ngập mặn, điều kiện phù hợp.

Vị thế thương hiệu

UY TÍN HÀNG ĐẦU

NAVICO là một thương hiệu hàng đầu về các sản phẩm cá tra, cá rô phi. Là thương hiệu uy tín và ổn định đối với nhiều khách hàng trên thế giới.

Nguồn lực con người

ĐỘI NGŨ ĐOÀN KẾT

NAVICO có đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm, đoàn kết, tràn đầy năng lượng, luôn khát khao đổi mới sáng tạo và trung thành tuyệt đối với Công ty.

KHÓ KHĂN

Bất ổn địa chính trị

Xung đột Nga – Ukraine chưa kết thúc gây gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, tăng rủi ro và chi phí vận chuyển.

Biến động chi phí

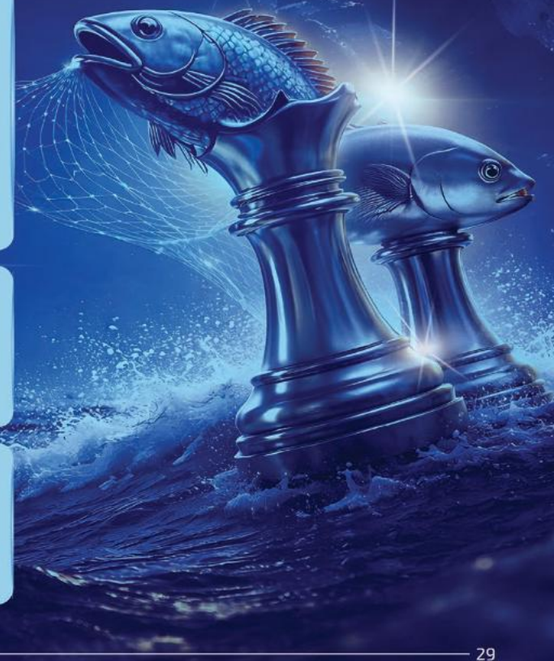
Giá nhiên liệu và cước vận chuyển biển tăng cao trực tiếp đẩy chi phí sản xuất của NAVICO lên đáng kể.

Sức mua toàn cầu sụt giảm

Sự suy giảm đầu tư, kinh tế phục hồi chậm tại các thị trường lớn (Mỹ, EU, Trung Quốc); lãi suất và tỷ giá biến động khó lường.

Rào cản thương mại

Các thị trường nhập khẩu thắt chặt kiểm soát bằng các hàng rào phi thuế quan mới.



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU SO VỚI KẾ HOẠCH ĐÃ ĐỀ RA

TỔNG DOANH THU

Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	TH/KH 2025
6000 TỶ	6952 TỶ	115%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	TH/KH 2025
500 TỶ	1152 TỶ	230%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025

Bảng kết quả hoạt động SXKD của NAVICO năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024 (tỷ đồng)	Năm 2025 (tỷ đồng)	Tỷ lệ % năm 2025 so với năm 2024
1	Doanh thu thuần	4.911	6.952	142%
2	Giá vốn hàng bán	4.351	5.329	122%
3	Lợi nhuận gộp	560	1.623	290%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	33	50	154%
5	Chi phí hoạt động tài chính	103	74	71%
6	Chi phí bán hàng	280	379	135%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	86	72	84%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	119	1.150	964%
9	Lợi nhuận khác - Tổng	(41)	2	-6%
10	Lợi nhuận trước thuế	79	1.152	1.468%
11	Lợi nhuận sau thuế	48	999	2.090%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bảng số liệu tình hình tài chính NAVICO năm 2024 - 2025

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025 (triệu đồng)	Năm 2024 (triệu đồng)	% tăng giảm trong năm 2025
1	Tổng giá trị tài sản	5.824.715	4.862.271	19,8%
2	Doanh thu thuần	6.951.508	4.911.266	41,5%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.149.922	119.282	864%
4	Lợi nhuận khác	2.368	(40.768)	-105,8%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.152.290	78.514	1.367,6%
6	Lợi nhuận sau thuế	999.478	47.832	1.989,6%

Bảng số liệu các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của NAVICO năm 2024 - 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,56	1,33
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,92	0,48
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	39,4	42,5
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	65,2	73,9
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,47	2,18
-	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,30	0,98
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,38	0,97
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	28,34	1,71
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	17,16	0,98
-	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	16,54	2,43

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ



CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ VÀ CÁC DỰ ÁN

Hiện Công ty không có các dự án phát sinh trong năm 2025. Tính đến 31/12/2025, NAVICO còn khoản đầu tư dài hạn ở Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa.

Bảng hạng mục đầu tư ở Cromit Cổ Định Thanh Hóa của NAVICO năm 2025

Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024
Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	20.304.000.000

Bảng doanh thu công ty con, Công ty liên kết của NAVICO năm 2024 - 2025

Đơn vị tính (ĐVT): Triệu đồng

CÔNG TY TNHH MTV ẤN ĐỘ DƯƠNG

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	1.534.289	1.003.084
LNTT	154.427	15.642
Tài sản	373.218	283.797
Vốn điều lệ	36.000	36.000

CÔNG TY TNHH MTV NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NAM VIỆT BÌNH PHÚ

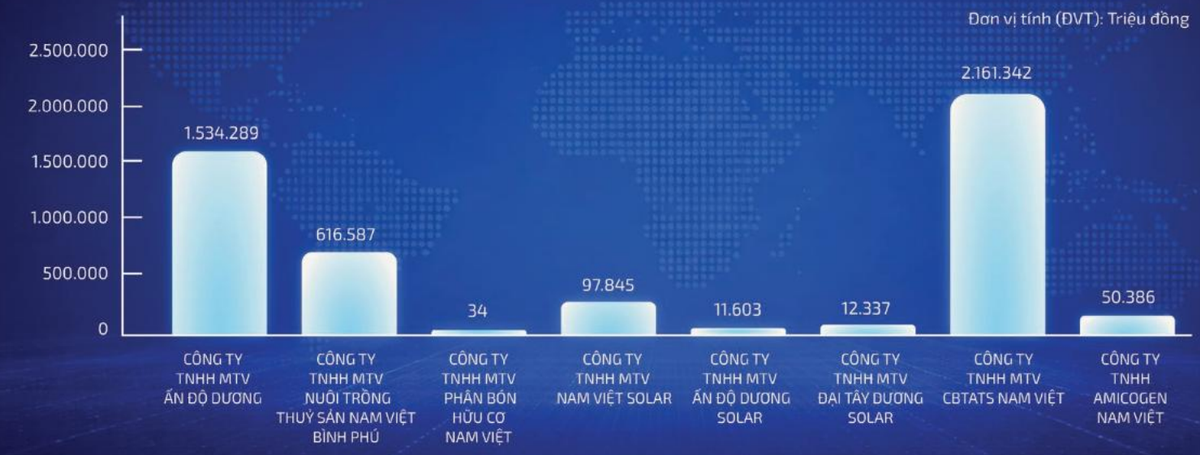
Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	616.587	945.837
LNTT	(15.955)	35.186
Tài sản	1.025.311	1.060.483
Vốn điều lệ	540.000	540.000

CÔNG TY TNHH MTV PHÂN BÓN HỮU CƠ NAM VIỆT

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	34	44
LNTT	(621)	(387)
Tài sản	177	4.423
Vốn điều lệ	1.500	5.000

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Biểu đồ cột doanh thu các công ty con, công ty liên kết năm 2025



CÔNG TY TNHH MTV NAM VIỆT SOLAR

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	97.845	100.451
LNTT	65.417	57.257
Tài sản	272.414	304.708
Vốn điều lệ	180.000	180.000

CÔNG TY TNHH MTV ẤN ĐỘ DƯƠNG SOLAR

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	11.603	11.579
LNTT	8.544	8.090
Tài sản	29.466	32.648
Vốn điều lệ	5.000	5.000

CÔNG TY TNHH MTV ĐẠI TÂY DƯƠNG SOLAR

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	12.337	12.312
LNTT	9.340	8.868
Tài sản	28.789	31.886
Vốn điều lệ	5.000	5.000

CÔNG TY TNHH MTV CBTATS NAM VIỆT

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	2.161.342	2.094.007
LNTT	32.655	37.950
Tài sản	715.245	672.060
Vốn điều lệ	200.000	200.000

CÔNG TY TNHH AMICOGEN NAM VIỆT (Công ty liên doanh)

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	50.386	38.120
LNTT	1.537	(8.171)
Tài sản	135.965	141.488
Vốn điều lệ	138.480	138.480

CÔNG TY TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN NAM VIỆT

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	-	-
LNTT	-	-
Tài sản	-	-
Vốn điều lệ	-	-

Đã giải thể quý 2/2023



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU TẠI NGÀY 31/12/2025

Bảng thông tin cổ phiếu của NAVICO năm 2025

Nội dung	Thông tin cổ phiếu
Số lượng cổ phần	266.667.500 cổ phần
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng
Số cổ phiếu ưu đãi	Không có
Số cổ phiếu phổ thông	266.667.500 cổ phần
Số cổ phiếu đang lưu hành	266.667.500 cổ phần
Số cổ phần chuyển nhượng tự do	266.667.500 cổ phần
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0 (không) cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 24/10/2025

- Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu



- Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

Bảng cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	**Cổ đông trong nước**	**254.473.837**	**95,57%**
	Cá nhân	252.436.260	94,81%
	Tổ chức	2.037.577	0,76%
2	**Cổ đông ngoài nước**	**11.781.913**	**4,43%**
	Cá nhân	400.379	0,16%
	Tổ chức	11.381.534	4,27%
	Tổng cộng	**266.255.750** (Chưa tính cổ phiếu quỹ 411.750)	**100%**

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2025 công ty không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Giao dịch cổ phiếu quỹ

Tính đến 31/12/2025, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 411.750 cổ phiếu (giá 25.700đ/cp tương đương 10,582 tỷ đồng). Trong năm 2025, Công ty không mua cổ phiếu quỹ.



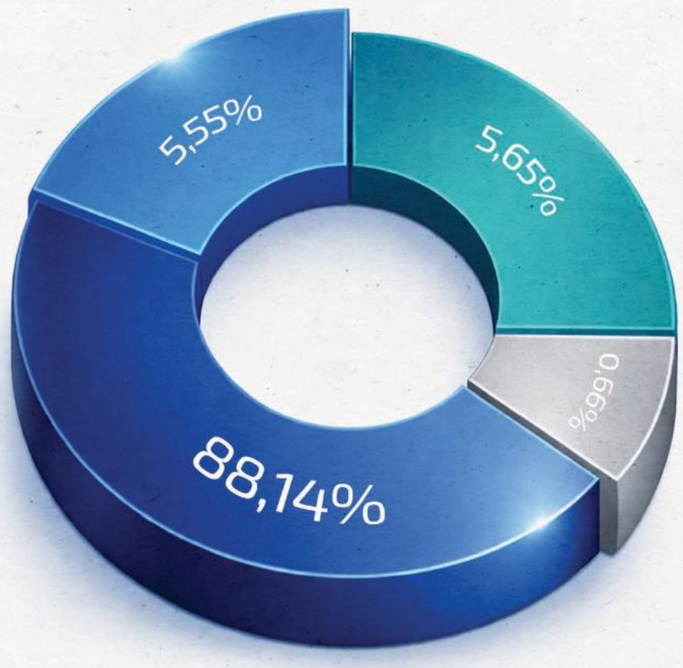
NGUỒN LỰC LAO ĐỘNG

NAVICO luôn coi nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất của công ty, là chìa khóa vàng cho sự thành công của doanh nghiệp.

Công ty chú trọng hoàn thiện mô hình quản trị, tập trung đa dạng hóa, tạo nên các cơ hội bình đẳng cho CBCNV không phân biệt giới tính, độ tuổi, chủng tộc hoặc văn hóa, đề cao sự tôn trọng cá nhân, thực hiện các chính sách chăm sóc toàn diện cho người lao động; đồng thời không ngừng phát huy nền tảng văn hóa doanh nghiệp, tạo dựng môi trường làm việc hòa nhập, hấp dẫn, thúc đẩy sự phát triển của cá nhân trong sự phát triển bền vững của Công ty.

Theo trình độ lao động:

- Lao động phổ thông
- Đại học và Trên Đại học
- Cao đẳng, Trung cấp nghề
- Sơ cấp, Công nhân Kỹ thuật



Biểu đồ tròn tổng quan lực lượng lao động ở NAVICO năm 2025

100% Theo đối tượng lao động

Lao động toàn thời gian

Theo giới tính: Nam

52,82%

Theo giới tính: Nữ

47,18%

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

1 CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG

Công ty áp dụng chính sách tiền lương và khen thưởng cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định pháp luật và quy chế lương thưởng của Công ty dựa trên các cơ sở về hiệu quả công việc của từng người, theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất và lợi nhuận của Công ty.

2 CHẾ ĐỘ NGHỈ PHÉP, NGHỈ LỄ TẾT

NAVICO thực hiện bố trí lao động nghỉ phép, nghỉ lễ Tết,... đúng, đủ ngày, hoặc bố trí nghỉ luân phiên, nghỉ bù đảm bảo theo quy định của Bộ Luật Lao động.

3 CHẾ ĐỘ THAI SẢN

NAVICO thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ thai sản cho CBCNV là nữ giới, chế độ thai sản cho nam giới có vợ sinh con đảm bảo đúng theo quy định Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế.

4 CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM VÀ PHÚC LỢI

Công ty đảm bảo đầy đủ quyền lợi bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN) theo quy định Nhà nước. Bên cạnh đó, NAVICO chú trọng chăm lo đời sống tinh thần thông qua các hoạt động đoàn thể, văn nghệ, thể thao và du lịch định kỳ. Các chế độ đãi ngộ khác bao gồm: Lương tháng 13, thưởng lễ Tết, trợ cấp khó khăn và khen thưởng con em CBCNV có thành tích học tập xuất sắc.



CHƯƠNG 03

QUẢN TRỊ CÔNG TY



NAVICO WEBSITE

BỘ MÁY QUẢN TRỊ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

• CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025 không thành lập tiểu ban nào.

• HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chỉ đạo, giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.

Thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.



• THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **ĐỖ LẬP NGHIỆP** - Chủ tịch HĐQT
Ông **DOÃN TỚI** - Phó Chủ tịch HĐQT
Ông **TRẦN MINH CẢNH** - Thành viên HĐQT
Bà **ĐỖ THỊ THANH THỦY** - Thành viên HĐQT
Bà **NGUYỄN THỊ MINH Ý** - Thành viên HĐQT Độc lập

• SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Doãn Tới	P. Chủ tịch HĐQT	20	100%
2	Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch HĐQT	20	100%
3	Trần Minh Cảnh	Thành viên HĐQT	20	100%
4	Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên HĐQT Độc lập	20	100%
5	Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	20	100%

BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY



DOÃN TỚI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1954
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
Quá trình công tác:
10/2006: Chịu trách nhiệm HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Nam Việt
2001 - 09/2006: TGĐ Công ty TNHH Nam Việt
Từ năm 1971 - 2001: Sĩ quan quân đội (cấp bậc Thượng tá)
đến 2001 nghỉ hưu
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 146.610.000 cổ phần - 54,98% vốn điều lệ



ĐỖ LẬP NGHIỆP

PHÓ TỔNG GĐ
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:
01/2011: Thành viên Hội đồng quản trị,
Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Việt
2004 - 09/2010: Giám đốc sản xuất CTCP Nam Việt
2000 - 2004: Phó giám đốc Nhà máy đông lạnh Thủy sản Nam Việt
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 915.700 cổ phần - 0,34% vốn điều lệ



TRẦN MINH CẢNH

PHÓ TỔNG GĐ
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1965
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:
01/07/2020: Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính
2010 - 06/2017: Giám đốc Tài chính CTCP Nam Việt
2008 - 2010: Phó Giám đốc Tài chính CTCP Nam Việt
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 400.000 cổ phần - 0,15% vốn điều lệ



NGUYỄN VĂN VỸ

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:
19 năm tại Công ty Cổ phần Nam Việt
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 900.000 cổ phần - 0,34% vốn điều lệ



NGUYỄN THANH LIÊM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1969
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Xây dựng CN&ĐD
Quá trình công tác:
05/2020 đến nay tại Công ty Cổ phần Nam Việt
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 711.200 cổ phần - 0,27% vốn điều lệ



ĐỖ THỊ THANH THUỶ

GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Anh văn
Quá trình công tác:
Từ ngày 01/06/2000: Bắt đầu công tác tại Tập đoàn Nam Việt
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 140.000 cổ phần - 0,05% vốn điều lệ



NGUYỄN HÀ THU DIỄM

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 1989
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:
13/07/2011 công tác tại Tập đoàn Nam Việt
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 15.000 cổ phần - 0,005% vốn điều lệ



NGUYỄN THỊ MINH Ý

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Năm sinh: 1979
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:
2010 đến nay: Kế toán DNTN Thanh Thiên
02/2004: Kế toán Công ty Cổ phần Nam Việt
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - 0% vốn điều lệ

• NHỮNG THAY ĐỔI TRONG THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Không phát sinh

• NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	21/NQ-HĐQT	19/02/2025	Nghị quyết HĐQT vv chuyển lợi nhuận từ Cty NVSL về Cty Nam Việt
2	26/NQ-HĐQT	07/03/2025	Nghị quyết HĐQT vv gia hạn thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025
3	23/NQ-HĐQT	28/02/2025	Nghị quyết HĐQT vv chuyển lợi nhuận từ Cty ĐTDSL về Cty Nam Việt
4	35/NQ-HĐQT	24/03/2025	Nghị quyết HĐQT vv HĐTD với NH BPCE IOM
5	39/NQ-HĐQT	25/04/2025	Nghị quyết HĐQT vv tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025
6	43/NQ-HĐQT	05/05/2025	Nghị quyết HĐQT vv giải thể Công ty TNHH MTV phân bón hữu cơ Nam Việt
7	49/NQ-HĐQT	15/05/2025	Nghị quyết HĐQT vv vay vốn ngắn hạn, phát hành bảo lãnh và các hình thức tài trợ thương mại tại VCB-AG
8	57/NQ-HĐQT	08/07/2025	Nghị quyết HĐQT vv bổ sung ngành nghề kinh doanh
9	68/NQ-HĐQT	18/08/2025	Nghị quyết HĐQT vv chuyển lợi nhuận từ Cty ADD về Cty Nam Việt
10	71/NQ-HĐQT	10/09/2025	Nghị quyết HĐQT vv chuyển lợi nhuận từ Cty NVSL về Cty Nam Việt
11	74/NQ-HĐQT	03/09/2025	Nghị quyết HĐQT vv chuyển lợi nhuận từ Cty NVBP về Cty Nam Việt
12	77/NQ-HĐQT	12/09/2025	Nghị quyết HĐQT vv chuyển lợi nhuận từ Cty ĐTDSL về Cty Nam Việt
13	80/NQ-HĐQT	12/09/2025	Nghị quyết HĐQT vv chuyển lợi nhuận từ Cty ADDSL về Cty Nam Việt
14	83/NQ-HĐQT	23/09/2025	Nghị quyết HĐQT vv vay vốn của Cty Nam Việt tại ngân hàng BIDV - CN Bắc An Giang
15	86/NQ-HĐQT	08/10/2025	Nghị quyết HĐQT vv chi trả cổ tức năm 2024 và tạm ứng cổ tức năm 2025
16	90/NQ-HĐQT	13/10/2025	Nghị quyết HĐQT vv gia hạn HĐTD của Cty Nam Việt tại ngân hàng BIDV - CN An Giang
17	93/NQ-HĐQT.2025	17/10/2025	Nghị quyết HĐQT vv thông qua việc vay vốn ngân hàng, phát hành bảo lãnh và các hình thức tài trợ thương mại khác tại ngân hàng VCB - CN An Giang
18	104/NQ-HĐQT	19/11/2025	Nghị quyết HĐQT vv vay vốn của Cty Nam Việt tại ngân hàng BIDV - CN An Giang
19	108/NQ-HĐQT	01/12/2025	Nghị quyết HĐQT vv miễn chức vụ Tổng giám đốc Cty AMICOGEN đối với ông Võ Thanh Hiệp và bổ nhiệm ông Trần Ánh giữ chức vụ Tổng giám đốc Cty AMICOGEN
20	113/NQ-HĐQT	31/12/2025	Nghị quyết HĐQT vv bổ nhiệm ông Doãn Chí Thiên giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc thường trực - Cty Nam Việt

• HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Tham gia dự họp đầy đủ các phiên họp của HĐQT, tham gia giám sát việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Ban Tổng giám đốc.

Thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

• DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM

Trong năm không tham gia các chương trình đào tạo về quản trị doanh nghiệp.

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

• THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

STT	Thành viên Ban KTNB	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lê Tiến Dũng	Trưởng Ban	20	100%	
2	Dương Minh Phong	Thành viên	0	0%	Đi công tác

• HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Tham dự các cuộc họp điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc công ty.
- Giám sát việc triển khai kế hoạch và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh nhằm đảm bảo công ty hoạt động đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Giám sát trình tự thủ tục ban hành các văn bản pháp lý của HĐQT, Ban TGĐ và việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Kiểm soát các chế độ chính sách liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty.
- Kiểm soát việc thực hiện, chấp hành các quy trình, quy định của các phòng ban.

• CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT/ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ Số lượng	Số CP sở hữu đầu kỳ Tỷ lệ	Số CP sở hữu cuối kỳ Số lượng	Số CP sở hữu cuối kỳ Tỷ lệ	Lý do tăng giảm
1	Doãn Tới	Phó Chủ tịch HĐQT- TGĐ	143.610.000	53,85%	146.610.000	54,98%	Mua CP tăng tỷ lệ sở hữu
2	Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch HĐQT- Phó TGĐ	938.000	0,35%	915.700	0,34%	Bán giải quyết nhu cầu cá nhân
3	Trần Minh Cảnh	TV HĐQT- Phó TGĐ	500.000	0,19%	400.000	0,15%	Bán giải quyết nhu cầu cá nhân
4	Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	140.000	0,05%	140.000	0,05%	
5	Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên HĐQT Độc lập	0	0%	0	0%	
6	Nguyễn Văn Vỹ	Phó TGĐ	900.000	0,34%	900.000	0,34%	
7	Nguyễn Thanh Liêm	Phó TGĐ	677.000	0,25%	711.200	0,27%	Mua CP tăng tỷ lệ sở hữu
8	Nguyễn Hà Thu Diễm	Kế toán trưởng	15.000	0,005%	15.000	0,005%	
9	Dương Minh Phong	TV ban KTNB	10.000	0,003%	0	0%	Bán giải quyết nhu cầu cá nhân

Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm toán:

STT	Năm 2025	Thu nhập
1	Ông Đỗ Lập Nghiệp - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.347.026.735
2	Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	238.231.735
3	Bà Dương Thị Kim Hương - Phó Tổng Giám đốc	67.252.735
4	Ông Trần Minh Cảnh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.358.938.735
5	Ông Nguyễn Văn Vỹ - Phó Tổng Giám đốc	1.224.362.735
6	Ông Nguyễn Thanh Liêm - Phó Tổng Giám đốc	106.964.735
7	Bà Đỗ Thị Thanh Thủy - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán	1.035.778.735
8	Bà Nguyễn Hà Thu Diễm - Kế toán trưởng	576.644.810
9	Ông Lê Tiến Dũng - Trưởng ban kiểm toán nội bộ	329.998.735
10	Ông Dương Minh Phong - Thành viên ban kiểm toán nội bộ	209.814.112
11	Bà Nguyễn Thị Minh Ý - Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	90.000.000
	Cộng	6.585.013.802

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: tính từ 01/01/2025 đến 31/12/2025:

STT	Bên A	Bên B	Nội dung giao dịch
1	Công ty Cổ phần Nam Việt	Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Bán thành phẩm, cho thuê
2	Công ty Cổ phần Nam Việt	Công ty TNHH Đại Tây Dương	Mua tài sản Thuê kho, tiền điện Phí sử dụng hạ tầng
3	Công ty Cổ phần Nam Việt	Doãn Tới	Công ty chia cổ tức
4	Công ty Cổ phần Nam Việt	Doãn Chí Thanh	Công ty chia cổ tức
5	Công ty Cổ phần Nam Việt	Doãn Chí Thiên	Công ty chia cổ tức
6	Công ty Cổ phần Nam Việt	Đỗ Lập Nghiệp	Công ty chia cổ tức
7	Công ty Cổ phần Nam Việt	Nguyễn Văn Vỹ	Công ty chia cổ tức
8	Công ty Cổ phần Nam Việt	Nguyễn Thanh Liêm	Công ty chia cổ tức, tiền thuê đất
9	Công ty Cổ phần Nam Việt	Trần Minh Cảnh	Công ty chia cổ tức
10	Công ty Cổ phần Nam Việt	Nguyễn Hà Thu Diễm	Công ty chia cổ tức
11	Công ty Cổ phần Nam Việt	Đỗ Thị Thanh Thủy	Công ty chia cổ tức

• SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Luôn luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong các vấn đề thiếu sót trong quy trình kiểm soát nội bộ tại các phòng ban, đề xuất các giải pháp cải thiện những thiếu sót trong quy trình nhằm ngày càng hoàn thiện các chế độ, chính sách, quy trình quy định, quy chế, góp phần nâng cao năng lực quản trị điều hành và hạn chế rủi ro trong các hoạt động của công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2025, tình hình kinh tế chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, xung đột tại Ukraine và Trung Đông kéo dài, gây sức ép lên chuỗi cung ứng, giá năng lượng, vận tải biển và thị trường tài chính toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại, lạm phát có xu hướng hạ nhiệt nhưng vẫn tiềm ẩn rủi ro, tỷ giá và lãi suất biến động, cùng với thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực và an ninh mạng tiếp tục là những thách thức lớn.

Hiện nay, Công ty đảm bảo tự chủ 100% thức ăn cho việc nuôi trồng, 100% cá nguyên liệu cho các nhà máy chế biến, trong đó:

4 NHÀ MÁY CHẾ BIẾN

với tổng công suất thiết kế 1.000 tấn cá nguyên liệu/ngày, gồm:

- Nhà máy đông lạnh thủy sản Ấn Độ Dương (DL18)
- Nhà máy đông lạnh thủy Nam Việt (DL152)
- Nhà máy đông lạnh thủy sản Thái Bình Dương (DL384)
- Nhà máy đông lạnh thủy Đại Tây Dương (DL408)

Trong bối cảnh kinh tế thế giới khó khăn và có dấu hiệu suy thoái, nhiều doanh nghiệp phải cắt giảm lao động thậm chí ngưng hoạt động, có thể xem là năm khó khăn nhất của rất nhiều công ty. Tuy nhiên, NAVICO doanh thu 2025 đạt 6.952 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1.152 tỷ đồng. Kết quả là sự nỗ lực hết mình từ Ban Tổng Giám đốc đến toàn bộ tập thể công ty.







KẾT QUẢ SXKD TRONG NĂM 2025

• CÁC CHỈ TIÊU HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Tăng giảm trong năm 2025
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.911	6.952	41,5%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	79	1.152	1.367,6%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	48	999	1.989,6%
EPS	Đồng/CP	179	3.754	3.575
Cổ tức chi trả/vốn điều lệ	%	10%		
Số lượng lao động	Người	5.932	5.770	-162
Thu nhập bình quân đầu người	Tr đồng/người	8,0	9,7	1,7

- Doanh thu thuần của toàn công ty trong năm 2025 đạt 6.952 tỷ đồng, tăng 41,5% so với cùng kì năm trước.

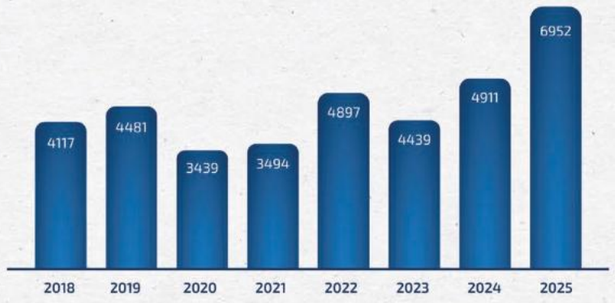
• CHI TIẾT DOANH THU NĂM 2025

STT	Doanh Thu	Loại tiền	Tỷ lệ 2024	Tỷ lệ 2025
1	Thành phẩm đông lạnh	VND	78,85%	84,18%
2	Thành phẩm chả cá	VND	5,04%	4,97%
3	Phụ phẩm	VND	6,31%	6,11%
4	Thức ăn	VND	0,08%	0,72%
5	Cá nguyên liệu	VND	7,13%	2,32%
6	Điện mặt trời	VND	2,21%	1,44%
7	Khác	VND	0,38%	0,26%
	Tổng cộng	**VND**	**100%**	**100%**

- Doanh thu bán thành phẩm đông lạnh vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu của NAVICO chiếm 84,18%.

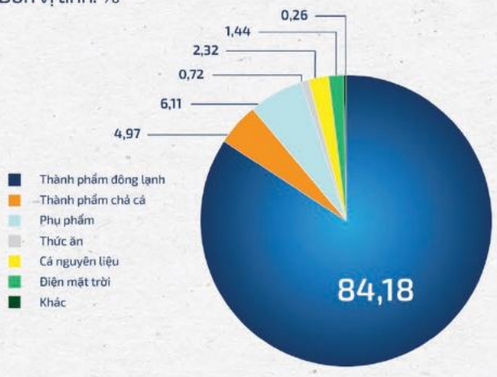
• BIỂU ĐỒ DOANH THU QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: Tỷ đồng



• BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2025

Đơn vị tính: %



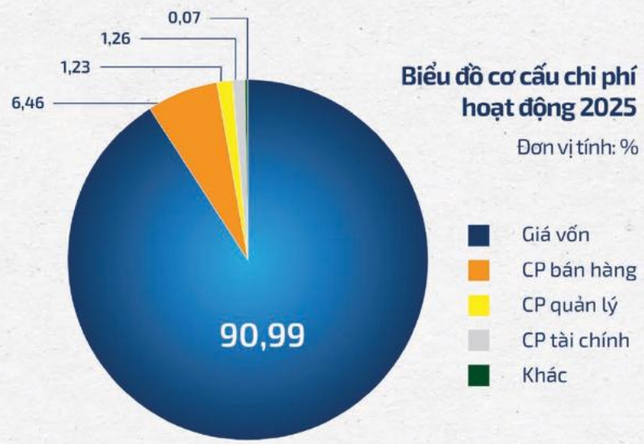
• VỀ CƠ CẤU CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

STT	Doanh Thu	Loại tiền	Tỷ lệ 2024	Tỷ lệ 2025
1	Giá vốn	VND	90,26%	90,99%
2	CP bán hàng	VND	5,82%	6,46%
3	CP quản lý	VND	1,78%	1,23%
4	CP tài chính	VND	2,14%	1,26%
5	Khác	VND	0%	0,07%
	Tổng cộng VND		**100%**	**100%**

- Giá vốn hàng bán vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí của NAVICO. Chi phí giá vốn hàng bán trong năm 2025 chiếm 90,99% tổng chi phí.

Biểu đồ cơ cấu chi phí hoạt động 2025

Đơn vị tính: %



• TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tính đến 31/12/2025, giá trị tổng tài sản đạt 5.825 tỷ đồng, tăng 19,8% so với năm 2024. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 59,7% so với tổng tài sản, giảm 6,5% so với năm 2024.

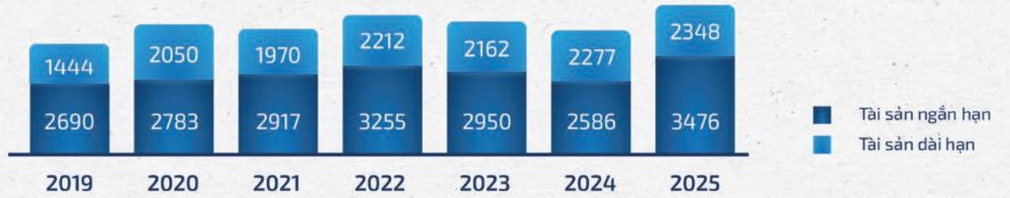
Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, hàng tồn kho của Công ty chiếm tỷ trọng lớn nhất, tương đương 40,9%, tiếp đến là các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 36,2%.

Đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 46,9%. Ngoài ra, các khoản tài sản dở dang dài hạn cũng chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản dài hạn, tương ứng 19%.

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của NAVICO trong năm 2025 thay đổi đáng kể so với năm 2024, trong đó:
- Vòng quay tổng tài sản từ 0,98 thành 1,3 vòng.
- Vòng quay hàng tồn kho từ 2,18 thành 3,47 vòng.

Biểu đồ cơ cấu tài sản qua các năm

Đơn vị tính: Tỷ đồng



• TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tại thời điểm 31/12/2025, Tổng nợ phải trả của Công ty là 2.298 tỷ đồng, chiếm 39,45% cơ cấu nguồn vốn (nợ phải trả /tổng nguồn vốn).

Trong đó, nợ ngắn hạn là 2.231 tỷ đồng chiếm tỷ trọng chủ yếu là 97% trong tổng nợ phải trả. Công ty luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro nói chung và rủi ro thanh khoản nói riêng. Ban điều hành thường xuyên theo dõi yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động dòng tiền của Công ty.

• VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng USD.

• VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA CHÊNH LỆCH LÃI VAY

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2024	2025
Vay ngắn hạn	Tỷ đồng	1.624	1.600
Vay dài hạn	Tỷ đồng	111	53
Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	91	68
Chi phí lãi vay/Doanh thu thuần	%	1,86	0,98

- Năm 2025, lãi vay công ty phải trả là 68 tỷ đồng, giảm 25,4% so với năm 2024.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

• ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025

Chỉ tiêu kế hoạch	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	TH/KH (%)
Doanh thu thuần	6.000	6.952	115%
Tổng lợi nhuận trước thuế	500	1.152	230%

Năm 2025, mặc dù đối mặt với nhiều thử thách nhưng các mặt hoạt động của công ty vẫn giữ ổn định và tăng trưởng. Các lĩnh vực hoạt động chính của công ty bao gồm chế biến thức ăn, nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản đông lạnh, điện năng lượng mặt trời đều hoạt động có hiệu quả.

Kết quả kinh doanh đạt được là nhờ sự quyết tâm lao động hăng say của hơn 6000 cán bộ, nhân viên dưới sự lãnh đạo của Ban Tổng Giám đốc công ty; góp phần vào tăng trưởng và đóng góp nguồn thu ngân sách địa phương; góp phần vào sự phát triển chung của toàn ngành thủy sản.

• CÁC CÔNG TÁC KHÁC

Kiểm soát và tiết kiệm chi phí

- Các đơn vị nghiệp vụ như kế toán, mua hàng, sản xuất, xuất nhập khẩu… luôn quan tâm tới theo sát tình hình chi phí trong hoạt động kinh doanh.
- Phân tích nguyên nhân làm chi phí tăng cao và giải pháp khắc phục hiệu quả.
- Kiểm soát chặt chẽ công tác giao nhận, xuất nhập hàng hóa, đảm bảo tối ưu hóa chi phí vận chuyển logistics.
- Ứng dụng phần mềm ERP quản lý sản xuất kinh doanh hiệu quả, giúp tối ưu hóa chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.

→ Kết luận: Công ty luôn theo sát tình hình chi phí trong hoạt động kinh doanh, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của xã hội và cộng đồng.

Quản lý tài chính

- Tuân thủ đầy đủ các chế độ kế toán, chính sách tài chính theo quy định hiện hành.
- Áp dụng chuẩn mực kế toán quốc gia, đảm bảo tính minh bạch và chính xác trong hoạt động tài chính.
- Lưu trữ, sắp xếp hồ sơ kế toán khoa học, đáp ứng yêu cầu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan chức năng.

Trách nhiệm với môi trường, xã hội, cộng đồng

- Cam kết bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh, tuân thủ các pháp luật.
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động xã hội, cộng đồng tại địa phương, góp phần xây dựng môi trường sống văn minh, phát triển bền vững.

• ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Công tác chỉ đạo, điều hành & giám sát

- Theo dõi, giám sát thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.
- Ban Tổng Giám đốc luôn lấy hiệu quả kinh tế & lợi nhuận làm mục tiêu hành động, sâu sát với công việc, có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ được giao, đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty.
- Đội ngũ lãnh đạo có tư duy tổng hợp, phân tích tìm ra những nguyên nhân yếu kém và các giải pháp cải tiến, khắc phục kịp thời những hạn chế trong điều hành, ngăn chặn thất thoát thiệt hại cho công ty.
- Gương mẫu chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định trong Điều lệ Công ty, thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.
- Thẳng thắn nhìn nhận các khuyết điểm để cải tiến, điều hành quản lý tốt hơn.

→ **Kết quả đạt được**

Trong tình hình kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, nhiều ngành nghề phải cắt giảm lao động, thậm chí ngừng sản xuất, nhưng Ban Giám đốc công ty vẫn điều hành tốt công việc được giao, giúp doanh thu đạt 115% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 230%.

Kế hoạch & định hướng quản trị

- Tích cực tìm kiếm thêm các đối tác, khách hàng để mở rộng thị trường.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra để đáp ứng các quy chuẩn của từng quốc gia.
- Đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ cá tra, cá rô phi và quan tâm phát triển thị trường nội địa.
- Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, ứng dụng các thành tựu công nghệ và kỹ thuật vào sản xuất, quản lý để nâng cao năng suất.
- Tiếp tục áp dụng công nghệ cao để tự chủ về con giống chất lượng cao.
- Tập trung nghiên cứu, khai thác hết tiềm năng sẵn có của công ty để tiết giảm chi phí tối đa và tăng nguồn thu cho công ty.
- Tiếp tục tuyển dụng, đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa để đảm bảo yêu cầu phát triển ngày càng cao của công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

• MỤC TIÊU - CHIẾN LƯỢC SXKD NĂM 2026

- Tích cực đi vào chất lượng của chuỗi sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, giảm chi phí, đảm bảo môi trường.
- Tìm kiếm thêm các khách hàng mới và duy trì khách hàng hiện hữu.
- Duy trì năng lực sản xuất và cải thiện kỹ thuật nuôi trồng và chế biến thủy sản để có sản phẩm đạt chất lượng tốt, ổn định, giá cả hợp lý.

- Đầu tư xây dựng Nhà máy Chế biến thủy sản xuất khẩu Bắc Băng Dương:
  - Vị trí : Cụm Công Nghiệp Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang
  - Diện tích QSDĐ đất : 21.848 m^2
  - Công suất thiết kế : 150 tấn nguyên liệu cá/ngày
  - Mục đích đầu tư: Chế biến thủy sản xuất khẩu
  - Vốn đầu tư : 300 tỷ đồng
  - Nguồn vốn đầu tư : phát hành cổ phiếu

- Đầu tư xây dựng Tòa nhà NAVICO Tower:
  - Vị trí : đường Nguyễn Huệ, P. Long Xuyên, An Giang
  - Diện tích QSDĐ đất : 1.061 m^2
  - Công suất thiết kế : 12 tầng * 700 m^2/1 tầng
  - Mục đích đầu tư: Tòa nhà văn phòng tập đoàn Nam Việt và cho thuê văn phòng....
  - Vốn đầu tư : 150 tỷ đồng
  - Nguồn vốn đầu tư : Phát hành cổ phiếu hoặc vay trung hạn

• CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2026

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2026	ĐVT
Tổng doanh thu	7.700	Tỷ đồng
Trong đó doanh thu xuất khẩu	260	Triệu USD
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.260	Tỷ đồng
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.070	Tỷ đồng
Cổ tức bằng tiền mặt	15%	



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

NAVICO CAM KẾT

NAVICO cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty, đảm bảo hoạt động minh bạch, hiệu quả và hướng đến phát triển bền vững. Chúng tôi không ngừng nâng cao hệ thống quản trị theo các chuẩn mực quốc tế, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài.



TUÂN THỦ QUY ĐỊNH

NAVICO cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật dành cho doanh nghiệp niêm yết. Công ty luôn đề cao tính **công khai, minh bạch** và đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho các bên liên quan nhằm hướng tới sự phát triển bền vững.

CHUYỂN ĐỔI SỐ

Đẩy mạnh chiến lược số hóa để tối ưu hóa quản trị theo hướng hiện đại. Việc ứng dụng công nghệ tiên tiến giúp NAVICO **nâng cao hiệu quả vận hành, giảm thiểu rủi ro** và tiệm cận với các tiêu chuẩn quản trị quốc tế tốt nhất.

CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CỐT LÕI

Tiếp tục triển khai các hoạt động giám sát và điều hành theo sát **10 nguyên tắc** chủ chốt trong **Bộ nguyên tắc quản trị công ty** - tài liệu được khuyến nghị bởi tổ chức uy tín OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế) và Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

01 Thiết lập vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT

Duy trì cơ cấu 5 thành viên (1 độc lập, 2 nữ) nhằm cân bằng giới tính và chuyên môn. Thực hiện tách biệt rõ ràng vai trò Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc để đảm bảo tính khách quan, hạn chế xung đột lợi ích trong ra quyết định.



06 Xây dựng Văn hóa và Đạo đức Doanh nghiệp

Xây dựng hệ thống văn bản và quy trình định hướng hành vi đạo đức trong doanh nghiệp. Tổ chức đào tạo thường xuyên kết hợp cơ chế khen thưởng – kỷ luật rõ ràng, trong đó HĐQT đóng vai trò dẫn dắt và làm gương.



02 Thiết lập HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp

Tập trung vào đội ngũ nhân sự có trình độ cao trong lĩnh vực thủy sản, tài chính và quản trị. Công ty ưu tiên cập nhật kiến thức, kỹ năng quản trị hiện đại cho thành viên HĐQT thông qua các chương trình đào tạo định kỳ.

07 Quản trị Rủi ro và Hệ thống Kiểm soát

Duy trì quy trình giám sát chặt chẽ các khuyến nghị kiểm toán và phân công rõ trách nhiệm báo cáo. Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập uy tín (A&C) để đảm bảo tính minh bạch, tin cậy cho các báo cáo tài chính.



03 Xây dựng HĐQT chuyên nghiệp và có năng lực

Đảm bảo sự đa dạng về cơ cấu và tính độc lập trong giám sát. Hệ thống quản trị được vận hành dựa trên sự kết hợp giữa kinh nghiệm thực tiễn và các thông lệ quản trị tốt nhất, giúp nâng cao hiệu quả điều hành doanh nghiệp.



08 Công bố Thông tin và Tính Minh bạch

Tuân thủ tuyệt đối quy định công bố thông tin của UBCKNN và HOSE. Cập nhật thông tin song ngữ kịp thời trên website, đảm bảo sự công bằng, chính xác cho cổ đông và minh bạch trong các hoạt động môi trường – xã hội.



04 Thành lập các Ủy ban thuộc HĐQT

Dựa trên quy mô hiện tại, NAVICO chưa thành lập các ủy ban chuyên trách. Tuy nhiên, HĐQT luôn chủ động đánh giá nhu cầu thực tế để sẵn sàng triển khai các bộ phận này trong tương lai nhằm tối ưu hóa công tác giám sát.

09 Thực thi và Bảo vệ Quyền lợi Cổ đông

Bảo vệ quyền lợi cổ đông qua việc công bố thông tin kịp thời và tạo điều kiện tham gia biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Năm 2025, NAVICO thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% theo đúng Nghị quyết.



05 Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT

Thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động định kỳ hàng năm và công khai minh bạch thù lao của HĐQT cũng như Ban điều hành. Cam kết này đảm bảo trách nhiệm giải trình cao nhất trước cổ đông và các bên liên quan.



10 Kết nối và Hài hòa Lợi ích Bên liên quan

Coi trọng vai trò và sự đóng góp của các bên liên quan (khách hàng, đối tác, người lao động). Duy trì kênh đối thoại cởi mở để lắng nghe và tiếp thu ý kiến, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững cùng cộng đồng.

CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO

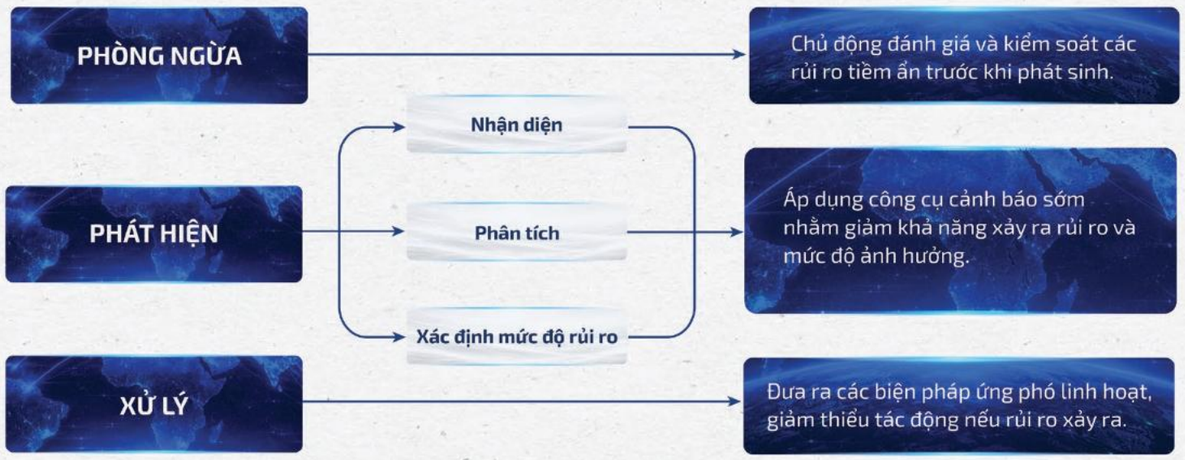
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ RỦI RO

- **Hội đồng Quản trị:** Định hướng chiến lược và chịu trách nhiệm cao nhất trong giám sát quản trị rủi ro.
- **Ban Điều hành:** Tổ chức triển khai, phân công và xây dựng kế hoạch kiểm soát rủi ro tại các phòng ban.
- **Ban Kiểm toán nội bộ:** Theo dõi và đánh giá độc lập hiệu quả vận hành hệ thống quản lý rủi ro toàn Công ty.



CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ RỦI RO

Hệ thống quản lý rủi ro của NAVICO được xây dựng gồm 3 bước chính



CHIẾN LƯỢC QUẢN LÝ RỦI RO

Mục tiêu

NAVICO triển khai chính sách quản trị rủi ro theo hướng toàn diện, có hệ thống, nhằm kiểm soát hiệu quả các rủi ro phát sinh trong hoạt động sản xuất – kinh doanh, từ đó đảm bảo sự phát triển bền vững và gia tăng giá trị cho cổ đông.

Chiến lược

Đội ngũ

Đẩy mạnh đào tạo nội bộ, nâng cao nhận thức và xây dựng đội ngũ chuyên trách có năng lực quản trị rủi ro cao.

Cơ cấu

Thiết lập cơ chế phân công trách nhiệm minh bạch, thường xuyên rà soát và xây dựng kịch bản ứng phó rủi ro trọng yếu.

Công nghệ

Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong nhận diện và giám sát, giúp tăng khả năng phản ứng nhanh trước các biến động.

CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU, BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA & KẾT QUẢ NĂM 2025

Rủi ro Hoạt động

Chủ động điều chỉnh kế hoạch tài chính và nhân sự linh hoạt. Thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn để giảm thiểu tác động từ nuôi trồng.

THÚC ĐẨY MÔ HÌNH TUẦN HOÀN

Rủi ro Tài chính

Chi phí lãi vay năm 2025 chiếm 0,98% doanh thu thuần. Nguồn vốn lưu động từ các khoản vay ngắn hạn ảnh hưởng trực tiếp đến công ty.

KIỂM SOÁT LÃI SUẤT & TỶ GIÁ

Rủi ro Pháp lý

Cập nhật kịp thời luật doanh nghiệp và chứng khoán. Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn khắt khe tại các thị trường xuất khẩu mục tiêu.

TUÂN THỦ CHUẨN MỰC

Rủi ro Chính trị - Xã hội

Đánh giá kịch bản địa chính trị để bảo toàn chuỗi cung ứng. Xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động liên tục và an toàn lao động.

CHUỖI CUNG ỨNG BỀN VỮNG

Rủi ro Môi trường

Nước biển dâng vào nội đồng, hạn hán, NAVICO chủ động xây dựng các kênh/ao chứa để bơm vào ao nuôi và xử lý 1.500 m^3/ngày.

XỬ LÝ 1500 M^3/Ngày

Rủi ro Bên ngoài

Triển khai các phương án dự phòng cho thiên tai và dịch bệnh. Theo dõi sát diễn biến thị trường để kịp thời điều chỉnh chiến lược kinh doanh.

ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC

KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO TRỌNG TÂM 2026

1. **Rà soát & cập nhật danh mục rủi ro**
   Đánh giá định kỳ các rủi ro hiện hữu và phát sinh mới dựa trên biến động kinh tế vĩ mô.
2. **Tăng cường văn hóa rủi ro**
   Lồng ghép ý thức quản trị rủi ro vào mọi cấp độ hoạt động và trách nhiệm cá nhân của nhân viên.
3. **Công nghệ hóa trong giám sát rủi ro**
   Tiếp tục triển khai chuyển đổi số trong hệ thống theo dõi, cảnh báo sớm và cập nhật theo thời gian thực.
4. **Phân công rõ trách nhiệm**
   Hoàn thiện cơ cấu nhân sự tại các phòng ban, đảm bảo phân công, phối hợp - phản hồi hiệu quả.

CHƯƠNG 04

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



TRIỂN VỌNG KINH TẾ

DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2026

Tăng trưởng GDP toàn cầu dự kiến khoảng 3%, với động lực chủ yếu từ các nền kinh tế đang phát triển, đặc biệt là Châu Á. Tuy lạm phát đã hạ nhiệt, nhưng rủi ro từ giá năng lượng và căng thẳng địa chính trị vẫn hiện hữu. Đồng thời, xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng tiếp tục tạo cơ hội cho Việt Nam mở rộng xuất khẩu.

DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2026

Kinh tế năm 2026, GDP dự đoán đạt khoảng 6-6,5%, thuộc nhóm cao trong khu vực. Ngành sản xuất, chế biến thực phẩm, thủy sản và nông nghiệp công nghệ cao tiếp tục giữ vai trò quan trọng nhờ môi trường kinh doanh, dòng vốn FDI và sức mua duy trì ổn định. Tuy nhiên, doanh nghiệp xuất khẩu vẫn đối mặt với áp lực từ biến động tỷ giá, chi phí đầu vào cao và các rào cản thương mại ngày càng khắt khe.



DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG CÁ TRA VIỆT NAM NĂM 2026

Ngành cá tra được dự báo tiếp tục tăng trưởng tích cực với kim ngạch xuất khẩu ước tính đạt khoảng 2,3 tỷ USD. Động lực tăng trưởng sẽ là giá thành và các sản phẩm giá trị gia tăng như fillet, surimi, collagen và gelatin .Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn đối mặt với rào cản thương mại, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu ngày càng cao về truy xuất nguồn gốc và phát triển bền vững.

DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG CÁ RÔ PHI VIỆT NAM NĂM 2026

Trong 2 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu cá rô phi Việt Nam duy trì đà tăng trưởng tích cực, đạt 23 triệu USD, tăng 242% so với cùng kỳ năm trước; riêng tháng 2 đạt 8,4 triệu USD, tăng 148%. Kết quả này cho thấy triển vọng mở rộng tại nhiều thị trường như Mỹ, EU và châu Á, đồng thời tạo nền tảng thuận lợi cho tăng trưởng xuất khẩu trong thời gian tới.

↑ 3% GDP

TĂNG TRƯỞNG 6-6,5% ↑

VƯỢT MỐC 2,3 TỶ USD

TĂNG TRƯỞNG 242% ↑

Nguồn: Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP)

TRIỂN VỌNG KINH TẾ

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Đông Nam Á tiếp tục là khu vực tiêu thụ ổn định đối với cá tra và cá rô phi Việt Nam, nhờ lợi thế khoảng cách vận chuyển ngắn và nhu cầu phù hợp với phân khúc cá thịt trắng giá cạnh tranh. Đầu năm 2026, cá rô phi cũng ghi nhận tăng trưởng mạnh tại Malaysia. Triển vọng khu vực vì vậy vẫn tích cực, đặc biệt với sản phẩm phi lê đông lạnh và dòng chế biến tiện lợi.



KHU VỰC KHỐI CHÂU ÂU



Năm 2025, xuất khẩu cá tra sang EU đạt 175 triệu USD, dự đoán 2026 sẽ tăng nhẹ vì nhu cầu duy trì và phân hóa theo từng quốc gia. Giá các loại cá thịt trắng truyền thống tăng và nguồn cung thắt chặt đang tạo thêm dư địa cho cá rô phi và cá tra ở phân khúc thay thế. Tuy nhiên, yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, chất lượng và phát triển bền vững sẽ tiếp tục là điều kiện then chốt.

KHU VỰC TRUNG ĐÔNG

Trung Đông đang nổi lên như điểm tăng trưởng cho cả hai ngành hàng. Trong 2 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu cá tra đạt 24 triệu USD, chiếm 7% tổng kim ngạch cá tra; cùng kỳ, cá rô phi đạt 2 triệu USD, tăng mạnh so với năm trước. Nhu cầu tại UAE, Ả Rập Xê Út và các thị trường lân cận mở ra dư địa tốt cho nhóm sản phẩm đông lạnh.



KHU VỰC BẮC MỸ VÀ NAM MỸ

Châu Mỹ tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong xuất khẩu cá tra và cá rô phi. Bắc Mỹ mang lại giá trị cao cho các sản phẩm chế biến và cá thịt trắng ổn định, trong khi Nam Mỹ nổi lên là động lực tăng trưởng mới nhờ nhu cầu đối với sản phẩm có giá cạnh tranh. Triển vọng toàn khu vực nhìn chung sẽ tích cực.

- Bắc Mỹ

Hoa Kỳ vẫn là thị trường then chốt đối với cả cá tra và cá rô phi Việt Nam. Tháng 1/2026, xuất khẩu cá tra sang Mỹ đạt 20 triệu USD, tăng 13%, cho thấy nhu cầu phục hồi nhưng còn thận trọng. Với cá rô phi, Mỹ tiếp tục là thị trường chiến lược; đầu năm 2026, nước này còn công bố kế hoạch đầu tư 15,2 triệu USD trong 5 năm cho chuỗi cá rô phi Việt Nam.

Tình hình xuất khẩu cá tra và rô phi sang Hoa Kỳ ghi nhận nhiều biến động do chính sách bảo hộ thương mại và kiểm soát nhập khẩu. Dù vậy, nhu cầu tiêu thụ cá tra tại thị trường này vẫn duy trì ổn định, đặc biệt đối với các sản phẩm fillet đông lạnh và sản phẩm giá trị gia tăng.

Ngoài Hoa Kỳ, Canada cũng là một thị trường tiềm năng trong khu vực Bắc Mỹ. Người tiêu dùng tại Canada ngày càng ưa chuộng cá tra, cá rô phi nhờ giá cả hợp lý và chất lượng ổn định. Các sản phẩm phổ biến tại thị trường này bao gồm phi lê đông lạnh, cá tra cắt miếng/khoanh và các sản phẩm chế biến.

- Nam Mỹ

Nam Mỹ đang là điểm sáng tăng trưởng, đặc biệt tại Brazil. Năm 2025, xuất khẩu cá tra sang Brazil đạt 176 triệu USD, tăng 36%; đến tháng 2/2026, Brazil đã nhập khoảng 1.300 tấn phi lê cá rô phi từ Việt Nam, cho thấy khả năng mở rộng thị phần ngày càng rõ nét.

Một số quốc gia khác tại Nam Mỹ như Argentina, Colombia và Chile cũng đang nổi lên như những thị trường tiềm năng. Các doanh nghiệp xuất khẩu cần tiếp tục mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác chiến lược và nâng cao chất lượng sản phẩm để tận dụng cơ hội từ khu vực này.

CÁC THỊ TRƯỜNG KHÁC

Dư địa tăng trưởng cũng đang mở ra tại Nga, Hà Lan, Caribe và một số thị trường ngách khác. Trong 2 tháng đầu năm 2026, cá rô phi Việt Nam tăng mạnh tại Nga, Hà Lan và Cộng hòa Dominica; với cá tra, việc đã hiện diện tại hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ tạo nền tảng tốt để mở rộng khách hàng, phân tán rủi ro và phát triển thêm các dòng sản phẩm giá trị gia tăng.



CHI TIẾT CHIẾN LƯỢC & KẾ HOẠCH

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG – GIÁ TRỊ CỘNG ĐỒNG

Tiếp tục theo đuổi định hướng phát triển bền vững, hướng tới việc duy trì vị thế hàng đầu cho cá tra và cá rô phi Việt Nam, chú trọng nâng cao hiệu quả ở từng công đoạn sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường quốc tế.



1. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Tiếp tục phát triển chuyên sâu, áp dụng công nghệ cao và nâng cấp chuỗi giá trị khép kín từ con giống, sản xuất thức ăn thủy sản, nuôi trồng thủy sản đến chế biến xuất khẩu.

Đầu tư sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng từ nguồn nguyên liệu thu được từ chuỗi sản xuất từ nuôi trồng đến chế biến xuất khẩu như sản xuất sản phẩm Collagen, Gelatin, Surimi... để đáp ứng nhu cầu đang tăng của thị trường quốc tế.

Đa dạng hoá sản phẩm chế biến từ cá tra, cá rô phi và quan tâm phát triển thị trường nội địa.

Ứng dụng các thành tựu công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất và quản lý để nâng cao năng suất và hiệu quả ở từng lĩnh vực, từng bộ phận phòng ban. Qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, vượt qua mọi khó khăn thử thách để hoàn thành sứ mệnh, mục tiêu chiến lược.

"Đối với NAVICO, ESG không chỉ là một cam kết mà còn là kim chỉ nam xuyên suốt mọi hoạt động của Tập đoàn, hài hòa giữa tăng trưởng kinh doanh và trách nhiệm xã hội - môi trường".



2. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Thị trường tiêu thụ
Đa dạng hoá sản phẩm chế biến từ cá tra, cá rô phi và quan tâm phát triển thị trường nội địa.

- Chất lượng sản phẩm
Đáp ứng đủ các yêu cầu tiêu chuẩn đầu ra của từng thị trường. Đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt nhất đến tay người dùng.

- Đối với môi trường
Không ngừng cải tiến hệ thống quản lý môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, thực hiện tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng, chung tay bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Đối với cộng đồng, xã hội
Thực hiện minh bạch giờ công, tiền lương, các chế độ phúc lợi xã hội. Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ và tạo môi trường làm việc lành mạnh cho người lao động.

3. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

TỐI ƯU CHI PHÍ
Nâng cao hiệu quả toàn bộ chuỗi sản xuất thông qua tối ưu vận hành, kiểm soát chi phí đầu vào và ứng dụng công nghệ nhằm giảm chi phí, đồng thời đảm bảo các tiêu chuẩn về ESG.

MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI
Chủ động tìm kiếm và phát triển khách hàng mới tại các thị trường tiềm năng, song song với việc duy trì và củng cố mối quan hệ hợp tác lâu dài, bền vững với các đối tác và khách hàng hiện hữu.

TỰ CHỦ NGUỒN GIỐNG
Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong nghiên cứu và sản xuất con giống nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo tính ổn định và chủ động nguồn cung cho toàn bộ chuỗi sản xuất.

PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ
Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo chuyên môn, kỹ năng quản lý và xây dựng đội ngũ kế thừa, đáp ứng yêu cầu phát triển dài hạn của doanh nghiệp.

CHƯƠNG 05

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Với tầm nhìn **"Thế cờ vững chắc - Dẫn dắt thời cuộc"**, NAVICO kiên định với vai trò tiên phong, không chỉ tập trung xây dựng nền tảng sản phẩm nội lực vững vàng, tối ưu chiến lược, mà còn chủ động nắm bắt cơ hội, dẫn dắt xu thế và tạo dựng lợi thế cạnh tranh bền vững trong hành trình phát triển dài hạn.



TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt trong hành trình lớn mạnh của NAVICO. Trên nền tảng 5 giá trị cốt lõi:



1 **NHÂN VĂN CON NGƯỜI LÀ NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN**

2 **BẢN LĨNH KINH DOANH KIÊN ĐỊNH VÀ TIÊN PHONG**

3 **TẬN TÂM TRONG TỪNG CHI TIẾT**

4 **CHÍNH TRỰC MINH BẠCH**

5 **BẢN SẮC VIỆT CHUẨN MỰC VÀ TƯ DUY TOÀN CẦU**

THÔNG ĐIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NAVICO kiên định theo đuổi mô hình tăng trưởng hài hòa giữa hiệu quả kinh doanh, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.

Không chỉ tạo ra những sản phẩm đạt chuẩn chất lượng, NAVICO còn chú trọng nâng cao năng lực quản trị, tối ưu vận hành và lan tỏa giá trị tích cực đến người lao động, đối tác, khách hàng và cộng đồng. Đó cũng là cách doanh nghiệp từng bước hiện thực hóa các tiêu chuẩn ESG bằng tư duy dài hạn, hành động thực chất và cam kết bền bỉ.

Ông Doãn Tới - Tổng Giám đốc NAVICO chia sẻ:

"Với NAVICO, phát triển bền vững không chỉ là một định hướng, mà là cam kết đồng hành cùng con người, môi trường và tương lai bằng tất cả trách nhiệm, bản lĩnh và khát vọng vươn xa."

MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Hướng đến giá trị Nhân văn và Chính trực, NAVICO xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan bằng sự thấu hiểu, minh bạch và trách nhiệm. Đó không chỉ là cách doanh nghiệp tạo dựng niềm tin, mà còn là nền tảng cho giá trị dài hạn và phát triển hài hòa.















CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

Nâng cao hiệu quả, minh bạch thông tin, gia tăng giá trị bền vững

Việc công bố thông tin rõ ràng, kịp thời và nhất quán là cơ sở để doanh nghiệp củng cố niềm tin và tạo lập giá trị dài hạn. NAVICO luôn sẵn sàng tối ưu hiệu quả hoạt động và duy trì nền tảng giao tiếp minh bạch để bảo vệ cổ đông, nhà đầu tư.

ĐỐI TÁC, NHÀ CUNG CẤP

Lấy uy tín làm nền tảng hợp tác, cùng xây dựng chuỗi giá trị bền vững

Việc công bố thông tin rõ ràng, kịp thời và nhất quán là cơ sở để doanh nghiệp củng cố niềm tin và tạo lập giá trị dài hạn. NAVICO luôn sẵn sàng tối ưu hiệu quả hoạt động và duy trì nền tảng giao tiếp minh bạch để bảo vệ cổ đông, nhà đầu tư.

KHÁCH HÀNG

Nâng tầm chất lượng sản phẩm, kiến tạo giá trị cuộc sống

Doanh nghiệp liên tục cải tiến, ứng dụng công nghệ tiên tiến và nâng cao tiêu chuẩn chất lượng từ "vùng nuôi đến bàn ăn", nhằm đáp ứng nhu cầu linh hoạt và kiến tạo nên cuộc sống giá trị cho khách hàng.

CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Lấy con người làm nền tảng

NAVICO luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc bình đẳng, hòa nhập, đầu tư các chương trình đào tạo bài bản, cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực chuyên môn để mỗi cán bộ nhân viên phát huy tiềm năng và phát triển sự nghiệp lâu dài.

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Phát triển kinh doanh luôn gắn liền với trách nhiệm cộng đồng

Thông qua việc tạo thêm việc làm, NAVICO góp phần thúc đẩy kinh tế địa phương và đồng hành xây dựng môi trường sống tốt đẹp hơn, hướng đến việc lan tỏa giá trị bền vững và đóng góp thiết thực cho cộng đồng.

CHÍNH QUYỀN, CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Đồng hành và kiến tạo cùng Chính phủ Việt Nam

Không chỉ tuân thủ nghiêm các quy định của Nhà nước, duy trì kinh doanh minh bạch và có trách nhiệm, NAVICO đồng thời tích cực hưởng ứng các định hướng phát triển kinh tế - xã hội, góp phần vào tiến trình phát triển bền vững của đất nước.

BÁO CHÍ, TRUYỀN THÔNG

Công bố minh bạch, tạo dựng niềm tin

NAVICO cam kết công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và minh bạch, xem báo chí truyền thông là nền tảng quan trọng để xây dựng uy tín và tăng cường niềm tin với cổ đông, nhà đầu tư và công chúng.



HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NAVICO TRONG NĂM 2025

DỰA THEO 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HIỆP QUỐC (SDGs)

THÔNG TIN CHUNG

Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững đóng vai trò như kim chỉ nam cho hành trình hướng đến một tương lai toàn diện và bền vững cho tất cả mọi người trên toàn cầu. Chương trình đặt ra 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) cần đạt được vào năm 2030, bao gồm xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy giáo dục và sức khỏe, đảm bảo bình đẳng giới và giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách.

Tuy nhiên, để biến những mục tiêu đầy tham vọng này thành hiện thực vào năm 2030, đòi hỏi sự chung tay góp sức của tất cả mọi người, bao gồm các doanh nghiệp ở mọi quy mô trên toàn thế giới. Do đó, để đặt ra kế hoạch mang tính thực tế và thực thi hiệu quả, NAVICO đã lựa chọn cho mình một số chỉ tiêu tiêu biểu trong khung 17 tiêu chí trên để tập trung thực hiện.



KINH TẾ

SDG 17 - Hợp tác để hiện thực hóa các mục tiêu

Tăng cường các phương tiện thực hiện các mục tiêu và củng cố quan hệ đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững.

Xây dựng chiến lược bền vững và báo cáo về các hoạt động SDG một cách minh bạch và có trách nhiệm.

Tháng 04/2025, Công ty Cổ phần Nam Việt (NAVICO) và Ngân hàng TNHH United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB Việt Nam) đã ký kết Thỏa thuận Tín dụng Thương mại Xanh, đánh dấu cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển bền vững của NAVICO.

SDG 8 - Việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, hiệu quả và dài hạn. Năm 2023, NAVICO được vinh danh TOP 25 Thương hiệu công ty F&B hàng đầu do Forbes Việt Nam bình chọn.

Năm 2023, NAVICO lần đầu lọt TOP 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất, khẳng định vị thế, năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động trên thị trường.

Năm 2024, NAVICO nhận Bằng khen của Cục Thuế tỉnh An Giang vì thành tích thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2023

Năm 2025, NAVICO vinh dự nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang vì có thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đầu năm 2026, NAVICO tiếp tục được Chủ tịch UBND tỉnh An Giang trao Bằng khen vì thành tích xuất sắc trong thực hiện thu, nộp ngân sách Nhà nước, tiếp tục khẳng định trách nhiệm doanh nghiệp đối với phát triển bền vững của địa phương.

SDG 9 - Công nghiệp, Đổi mới và Cơ sở hạ tầng

Cải tiến đáng kể khu vực nuôi trồng bằng hệ thống đường nhựa hiện đại, khối An Giang, đa dạng hóa di chuyển.

Nắm bắt công nghệ tiên tiến, ứng dụng máy móc tự động vào quy trình sản xuất: máy cho cá ăn, máy đóng bao bì,...

Nâng cao năng suất vượt bậc, tối ưu hóa nhân công, phân bổ nguồn lực hợp lý.

SDG 12 - Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm

Đảm bảo mô hình SXKD và tiêu dùng bền vững, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Các nhà máy chế biến của NAVICO đều đã đạt được nhiều chứng nhận: ISO 9001:2000, ISO 14001:2004, ISO 17025, GlobalG.A.P, HACCP, IFS, BRC, GMP, HALAL.

Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

SDG 10 - Giảm bất bình đẳng

Tăng đa dạng giới, hòa nhập và chống phân biệt đối xử.

Không có chênh lệch tỷ lệ thu nhập giữa nam và nữ.

Gia tăng tỷ lệ phần trăm phụ nữ và các nhóm thiểu số giữ vị trí quan trọng trong bộ máy lãnh đạo.

XÃ HỘI

SDG 1 - Xóa nghèo

Đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương.

Trong năm 2025, NAVICO đã tạo việc làm cho hơn 6.000 lao động với thu nhập bình quân đạt 9.673.000 đồng/người/tháng.

NAVICO đã thành lập Quỹ An sinh và Xã hội Doãn Tới và chi tổng lên tới hơn 7 tỷ đồng để trao quà khai xuân thiết thực cho CBCNV.

SDG 3 - Cuộc sống khỏe mạnh

Đảm bảo an toàn lao động, an toàn sức khỏe người tiêu dùng và an toàn cho cộng đồng.

Tạo môi trường làm việc lành mạnh, cải thiện sức khỏe tinh thần cho người lao động.

Cung cấp bảo hiểm y tế cho toàn bộ CBCNV, thực hành bền vững, nói không với bất bình đẳng.

Năm 2025, NAVICO được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về "An ninh, trật tự", góp phần củng cố môi trường làm việc an toàn và chất lượng cho người lao động.

MÔI TRƯỜNG

SDG 2 - Xóa đói

Nâng cao và đảm bảo bữa ăn của công nhân viên cung cấp đầy đủ dưỡng chất, góp phần nâng cao sức khỏe và thể trạng.

Tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng, giúp đỡ những người nghèo đói, thiếu ăn, đặc biệt là trẻ em.

Chung tay hỗ trợ Miền Trung vượt lũ với số tiền 100.000.000 VNĐ để ủng hộ công tác khắc phục hậu quả sau thiên tai.

Ủng hộ 200.000.000 VNĐ cho Cuba, góp phần sẻ chia khó khăn và lan tỏa trách nhiệm cộng đồng.

SDG 6 - Nước sạch và Vệ sinh

Phát triển nguồn cung cấp nước sạch để đảm bảo an toàn cho sản xuất và sinh hoạt. Sử dụng nước hợp lý và tiết kiệm.

Nước thải hoạt động sản xuất được xử lý 100% đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường.

SDG 15 - Tài nguyên đất

Giảm thiểu tác động đến môi trường trong quá trình quy hoạch vùng nuôi và các hoạt động nuôi trồng thủy sản, kiểm soát ô nhiễm và xử lý, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên.

SDG 7 - Năng lượng sạch và bền vững

Đã có hơn 46 cụm hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái nhà được NAVICO đưa vào hoạt động, giúp tiết kiệm tối đa chi phí và bảo vệ môi trường.

SDG 11 - Các thành phố và cộng đồng bền vững

Giảm thiểu phát thải khí nhà kính và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu.

Quản lý hiệu quả các tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.



SDG 4 - Chất lượng giáo dục

Quỹ Học bổng Khuyến tài Doãn Tới với hàng nghìn suất học bổng trị giá trên 1 triệu USD (tương đương 24,2 tỷ đồng) hỗ trợ tài chính cho hơn 11.000 học sinh – sinh viên xuất sắc có hoàn cảnh khó khăn trên cả nước, giúp các em theo đuổi nguyện vọng được học tập.

Trao thưởng hằng năm cho con em CBCNV có thành tích học tập xuất sắc, góp phần khuyến khích và thúc đẩy văn hóa học tập.

SDG 5 - Bình đẳng giới

Xây dựng môi trường làm việc bình đẳng và hòa nhập, nơi mọi cá nhân đều có cơ hội phát triển và thành công bất kể giới tính.

Tính đến năm 2025, HĐQT và BĐH tại NAVICO đều có lãnh đạo là nữ giới.

SDG 16 - Hòa bình, Công bằng và Thể chế vững mạnh

Đảm bảo quyền tiếp cận tư pháp bình đẳng cho tất cả mọi người và nói không với tham nhũng.

Tôn trọng nhân quyền, chống phân biệt đối xử và luôn minh bạch với các bên liên quan.

Đồng hành cùng đối tác Bonsir hỗ trợ người dân chịu ảnh hưởng bởi xung đột Campuchia - Thái Lan, lan tỏa tinh thần nhân ái và trách nhiệm với cộng đồng.

SDG 13 - Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu

Đạt tiêu chuẩn ISO 14001:2015 - Tiêu chuẩn quốc tế về Quản lý môi trường.

Sử dụng năng lượng xanh và tiết kiệm triệt để điện, nước, giấy trong sản xuất, sinh hoạt.

SDG 14 - Tài nguyên nước

Cá bố mẹ và cá con đều được nuôi bằng phương pháp "Organic".

Hệ thống lọc nước xả thải 100% an toàn mang lại lợi ích kinh tế và góp phần bảo vệ môi trường, hướng đến phát triển bền vững.

BÁO CÁO CHI TIẾT

BÁO CÁO VỀ ĐÓNG GÓP KINH TẾ

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

Năm 2025, bối cảnh kinh tế thế giới tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định khi xung đột Nga - Ukraine kéo dài, căng thẳng tại Trung Đông và rủi ro hàng hải ở Biển Đỏ vẫn ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng, giá năng lượng và chi phí logistics toàn cầu. Cùng với đó, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng, đặc biệt khi Mỹ triển khai các biện pháp thuế quan mới đối với hàng hóa từ Trung Quốc, Canada, Mexico và nhiều nền kinh tế khác, đã tạo thêm áp lực lên thương mại, đầu tư và tỷ giá quốc tế.

Là nền kinh tế có độ mở lớn, Việt Nam chịu tác động trực tiếp từ những biến động này, nhất là trong các lĩnh vực xuất khẩu, đầu tư và tiêu dùng. Trong bối cảnh đó, cộng đồng doanh nghiệp vẫn đối mặt với không ít thách thức từ chi phí đầu vào, biến động thị trường, yêu cầu thích ứng nhanh với chính sách thương mại và áp lực cạnh tranh ngày càng lớn. Đối với NAVICO, năm 2025 tiếp tục là giai đoạn đòi hỏi sự chủ động, linh hoạt và năng lực thích ứng cao để duy trì hiệu quả hoạt động, bảo đảm tăng trưởng và củng cố nền tảng phát triển bền vững.

Doanh thu năm 2025 là 6.952 tỷ đồng, đạt 115% so với kế hoạch đề ra, lợi nhuận trước thuế đạt 230% so với kế hoạch đề ra.

TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP

Trên hành trình chinh phục thị trường quốc tế, NAVICO đã tự hào mang sản phẩm Việt Nam đến với hơn 160 quốc gia trên toàn cầu. Thành công này không chỉ khẳng định vị thế thương hiệu uy tín mà còn góp phần thúc đẩy nền kinh tế nước nhà.

Không chỉ tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, NAVICO còn tự hào mang đến cơ hội việc làm ổn định cho hơn 6.000 người lao động, góp phần cải thiện đời sống và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương. Nhờ vậy, NAVICO đã và đang đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của quê hương.

Với tinh thần trách nhiệm cao, NAVICO luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về nghĩa vụ nộp thuế. Năm 2025, NAVICO nhận bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang với nội dung: "Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện thu, nộp ngân sách Nhà nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh."

NAVICO - niềm tự hào của Đất nước, minh chứng cho sự nỗ lực không ngừng nghỉ và tinh thần trách nhiệm cao của doanh nghiệp đối với cộng đồng.

CHỐNG THAM NHŨNG

NAVICO đặt nền móng cho sự phát triển bền vững bằng việc xây dựng nền tảng quản trị vững chắc, tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế tiên tiến nhất.

Công ty đặc biệt coi trọng việc phòng ngừa tham nhũng và các hành vi phi đạo đức trong hoạt động kinh doanh. Để đảm bảo điều này, NAVICO đã thành lập "Phòng Thanh tra Giám sát" chuyên trách theo dõi, giám sát và xử lý kịp thời các nghi vấn hoặc vi phạm.

CAM KẾT CỦA NAVICO

Tuân thủ pháp luật: Tất cả nhân viên NAVICO, bất kể phòng ban hay cấp bậc nào, đều tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật.

Ngăn chặn xung đột lợi ích: NAVICO xây dựng môi trường làm việc minh bạch, đề cao đạo đức nghề nghiệp, ngăn chặn triệt để mọi xung đột lợi ích.

Duy trì đạo đức kinh doanh ở mức cao nhất: NAVICO cam kết luôn hành động trung thực, minh bạch và có trách nhiệm trong mọi hoạt động kinh doanh.

Nhờ nền tảng quản trị vững chắc và cam kết đạo đức kinh doanh hàng đầu, NAVICO đã và đang khẳng định vị thế là doanh nghiệp uy tín, tin cậy trên thị trường.

BÁO CÁO CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

TỔNG QUAN LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

Trong bối cảnh kinh tế thế giới đầy rẫy những thách thức, nhiều doanh nghiệp buộc phải thu hẹp hoạt động, thậm chí cắt giảm nhân sự, Tập đoàn Nam Việt lại nổi lên như một điểm sáng, là điểm tựa vững vàng cho người lao động.

VỚI TỔNG SỐ HƠN **5.770** CÁN BỘ NHÂN VIÊN

MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN **9.673.000** ĐỒNG / NGƯỜI / THÁNG

NAVICO đã khẳng định vị thế của một doanh nghiệp uy tín, đặt giá trị con người lên hàng đầu.

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty áp dụng chính sách tiền lương và khen thưởng cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định pháp luật và quy chế lương thưởng của công ty, dựa trên hiệu quả công việc của từng cá nhân, mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất và lợi nhuận của công ty.

Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ và các hoạt động tinh thần khác do Công đoàn tổ chức; đồng thời tổ chức đón nhận các ngày lễ, các dịp kỷ niệm trong năm như: Ngày Quốc tế Phụ nữ, Ngày Quốc tế Thiếu nhi, Ngày thành lập Công ty, năm mới,...

CÁC CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI KHÁC

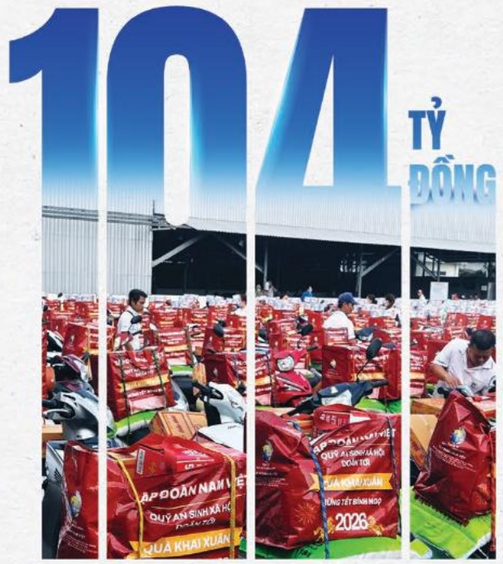
Thưởng các dịp lễ, Tết, lương tháng 13.

Các khoản trợ cấp khác: trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế.

Tổ chức du lịch nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết, gắn bó với công ty.

Thưởng cho con CBCNV có thành tích học tập tốt.

Xây dựng Quỹ An Sinh - Xã Hội Doãn Tới để chăm lo đời sống của CBCNV tại Nam Việt lên tới 104 tỷ đồng. Việc này thể hiện tinh thần tri ân của Ban Lãnh đạo đối với tập thể nhân viên, cũng như ý nghĩa nhân văn mà Tổng Giám đốc - ông Doãn Tới mong muốn xây dựng và lan tỏa cho các thế hệ.



BÁO CÁO VỀ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2025.

Đơn vị tính: Kg

GIẤY ĐÓNG THÙNG	HẠT NHỰA
6.386.895	894.025

Tỷ lệ % nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm chính của tổ chức trong năm: 4,42% (39.560 kg/894.025 kg).

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

ĐIỆN 150.282.245 kWh | **GAS** 30.620 kg

Trong năm 2025, Công ty đã liên tục triển khai các chính sách tiết kiệm năng lượng, bao gồm việc giảm tiêu thụ điện, xăng và dầu. Mục tiêu là không chỉ giảm chi phí mà còn để bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên quốc gia.

Các biện pháp tiết kiệm năng lượng đã được Công ty thực hiện bao gồm:

- Sử dụng một số thiết bị tiết kiệm năng lượng tại văn phòng, xí nghiệp
- Sử dụng bóng đèn LED
- Quán triệt, xây dựng cho nhân viên, cán bộ, người lao động thói quen tiết kiệm điện
- Sử dụng điện năng lượng mặt trời
- Hạn chế sử dụng điện giờ cao điểm

TIÊU THỤ NƯỚC

Với đặc thù hoạt động của công ty, lượng nước công ty sử dụng cho các hoạt động như nuôi trồng cá tra, cá rô phi; sử dụng trong hoạt động chế biến các sản phẩm chính của công ty; sử dụng trong hoạt động chế biến thức ăn cho cá và sử dụng nước cho sinh hoạt.

Song song với chính sách tiết kiệm năng lượng, Công ty cũng có các hoạt động, chính sách tiết kiệm nguồn nước sử dụng. Nguồn cung cấp nước chủ yếu của Công ty là từ nguồn nước giếng. Lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của Công ty trung bình là **1.500 m³/ngày**. Trước khi thải ra môi trường đều thông qua hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Trong năm Công ty không vi phạm luật và các quy định về môi trường.

BÁO CÁO VỀ ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI

NAVICO hằng năm luôn có các hoạt động để đóng góp cho cộng đồng xã hội. Ngoài các hoạt động đóng góp sức lực trực tiếp cho việc giữ gìn cộng đồng xã hội, Công ty còn hỗ trợ tài chính cho cộng đồng địa phương.

Những năm qua, Công ty đã có những đóng góp tài chính về:

- Công ty đóng góp Quỹ Mùa Xuân
- Công ty đóng góp Quỹ Công tác xã hội từ thiện
- Đóng góp Quỹ Đền ơn đáp nghĩa
- Đóng góp Quỹ Học bổng (do gia đình Tổng Giám đốc tài trợ)
- Công ty khen thưởng cho con của CBCNV lao động có thành tích trong học tập



STT	Tổng đóng góp của Tập đoàn Nam Việt cho cộng đồng - xã hội 2025	Số lượng
1	Ủng hộ quỹ vì người nghèo, cây mùa xuân năm 2025	70.000.000
2	Ủng hộ quỹ "Cây mùa xuân" xã Phú Thuận, xã Mỹ Hòa Hưng năm 2025	8.000.000
3	Ủng hộ tết "Vì người nghèo" xuân Ất Tỵ năm 2025	35.000.000
4	Ủng hộ "Tết trồng cây nhớ ơn Bác Hồ; trồng cây để phòng, chống sạt lở kênh, đê tỉnh An Giang năm 2025"	10.000.000
5	Ủng hộ người dân Cuba	200.000.000
6	Hỗ trợ UBND TP. Long Xuyên tết Ất Tỵ năm 2025	5.000.000
7	Hỗ trợ bếp ăn CA P. Mỹ Quý	14.000.000
8	Hỗ trợ bếp ăn CA P. Thới Thuận	24.000.000
9	Hỗ trợ bếp ăn CA P. Long Xuyên	4.000.000
10	Ủng hộ chương trình vận động thả cá tái tạo nguồn lợi thủy sản	3.000.000
11	CTY CP Nam Việt ủng hộ khắc phục hậu quả lũ lụt các tỉnh Miền Trung	100.000.000
12	Ủng hộ quỹ "Vì người nghèo", "Cây mùa xuân" năm 2026	3.000.000
13	Ủng hộ xã Đình Mỹ xây cầu - Nguyễn Văn Thanh	3.000.000
14	Ủng hộ an sinh xã hội - Trương Minh Toàn	30.000.000
	Tổng cộng	**509.000.000**

CÁC HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2025

NAVICO DẪN ĐẦU NGÀNH THỦY SẢN BỀN VỮNG VỚI HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC CÙNG UOB VIỆT NAM



Ngày 4/4/2025, Công ty Cổ phần Nam Việt và Ngân hàng TNHH United Overseas Bank (Việt Nam) đã ký kết Thỏa thuận Tín dụng Thương mại Xanh, đánh dấu cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển bền vững của NAVICO.

Với khoản tín dụng thương mại xanh từ UOB Việt Nam, NAVICO sẽ tiếp tục tái đầu tư mạnh vào công nghệ sản xuất tiên tiến, tối ưu hóa chuỗi cung ứng theo hướng hiện đại, khoa học và hiệu quả để nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế.

Đồng thời, NAVICO sẽ tận dụng nguồn vốn này để tiếp cận các sáng kiến mới, đón đầu xu hướng xanh như kinh tế tuần hoàn, tiết kiệm tài nguyên, chuyển đổi năng lượng sạch để tuân thủ các chính sách phát triển bền vững cũng như rút ngắn lộ trình tiến tới Net Zero Carbon.







UOB

Signing ceremony on Green trade finance between
UOB Vietnam and Nam Viet Corporation

Lễ ký kết Thỏa thuận Tài trợ Tín dụng Thương mại Xanh
giữa UOB Việt Nam và CTCP Nam Việt

TẾT TRỒNG CÂY TỈNH AN GIANG NĂM 2025



Tháng 02/2025, Ông Doãn Tới - đại diện NAVICO tham dự Lễ phát động "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" trồng cây để phòng, chống sạt lở kênh, đê tỉnh An Giang năm 2025 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang long trọng tổ chức.

Hằng năm, "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" đã trở thành truyền thống, một nét đẹp văn hóa, góp phần tạo dựng cảnh quan xanh - sạch - đẹp và mang lại lợi ích to lớn cho đất nước. Trồng cây gây rừng đã góp phần bảo vệ và cải tạo môi trường sinh thái, cải thiện cảnh quan, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.





KÝ HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC VỚI AV09 COMERCIO EXPORTER, MỞ ĐƯỜNG XUẤT KHẨU CÁ TRA VÀ RÔ PHI SANG NAM MỸ



Ngày 5/7/2025 tại thủ đô Brasília (Brazil), Công ty Cổ phần Nam Việt đã ký kết thỏa thuận hợp tác với AV09 Comercio Exporter Ltda – một trong những doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm lớn tại Brazil. Lễ ký kết diễn ra trong khuôn khổ Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Brazil, nằm trong chuỗi sự kiện bên lề chuyến thăm chính thức Brazil của Thủ tướng Phạm Minh Chính.

Dấu ấn tiên phong của NAVICO đã mở ra cánh cửa cho thị trường chiến lược Nam Mỹ, khi bản hợp đồng hợp tác với đối tác Brazil không chỉ mang ý nghĩa thương mại mà còn đánh dấu bước tiến sâu của cá tra, cá rô phi Việt Nam vào khu vực có hơn 200 triệu dân với nhu cầu thủy sản ngày càng tăng. Brazil tuy chưa phải thị trường truyền thống, nhưng lại là "trạm trung chuyển" lý tưởng để tiếp cận khối MERCOSUR, và sự hiện diện của NAVICO tại sự kiện thể hiện rõ quyết tâm đa dạng hóa đầu ra toàn cầu của doanh nghiệp Việt.





NAVICO ANALYST MEETING 2025







Tại Long Xuyên, An Giang, ngày 11/10/2025 - NAVICO đã tổ chức thành công buổi Analyst Meeting 2025, quy tụ đông đảo chuyên gia phân tích, nhà đầu tư và cổ đông chiến lược hàng đầu Việt Nam, cùng nhìn lại hành trình tăng trưởng ấn tượng của doanh nghiệp trong năm qua và chia sẻ tầm nhìn phát triển bền vững cho giai đoạn tới.

Với lợi thế từ chuỗi giá trị khép kín chuẩn Quốc tế và các chứng nhận cao nhất trong ngành như BAP 4 sao, ASC, SMETA tứ trụ, ... đang "thừa thắng xông lên" với Thuế suất xuất khẩu sang Mỹ thấp hơn Trung Quốc, Việt Nam hiện nắm giữ vị trí số 2 thế giới về xuất khẩu cá thịt trắng sang thị trường Mỹ (chủ yếu là Pangasius & Tilapia), mở ra tiềm năng vươn lên vị trí "Market leader" cho NAVICO và ngành cá Việt. Đây không chỉ là cơ hội tăng trưởng, mà còn là bước tiến khẳng định năng lực Việt Nam trên bản đồ thủy sản toàn cầu.



XUẤT CÔNG ĐƠN HÀNG CÁ RÔ PHI ĐẦU TIÊN CHO JBS - ĐỐI TÁC HÀNG ĐẦU TẠI BRAZIL

06/11/2025, sự kiện đánh dấu cột mốc quan trọng trong hành trình mở rộng thị trường và nâng tầm giá trị sản phẩm của NAVICO khi xuất thành công đơn hàng cá rô phi đầu tiên cho JBS - đối tác hàng đầu tại Brazil. Đây không chỉ là bước tiến trong chiến lược phát triển ngành hàng mới, mà còn khẳng định năng lực đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, năng lực tổ chức sản xuất và khả năng chinh phục các thị trường quốc tế của Tập đoàn.

Cột mốc này mở ra triển vọng hợp tác dài hạn giữa NAVICO và các đối tác toàn cầu, đồng thời tạo nền tảng để doanh nghiệp tiếp tục đa dạng hóa thị trường, gia tăng giá trị xuất khẩu và củng cố vị thế trên bản đồ thủy sản thế giới.











HỌC BỔNG KHUYẾN TÀI DOÃN TỚI - AN GIANG

Ngày 28/12/2025, Hội Khuyến học tỉnh phối hợp với Trường Đại học An Giang tổ chức Lễ trao Học bổng khuyến tài Doãn Tới tỉnh An Giang năm học 2025 - 2026.

Tại buổi lễ, Công ty Cổ phần Nam Việt đã trao 140 suất (trị giá mỗi suất 5 triệu đồng) cho sinh viên có thành tích xuất sắc và giỏi đang học tập tại các trường đại học trong và ngoài tỉnh với tổng số tiền 700 triệu đồng.

700 TRIỆU ĐỒNG

Sau 18 năm thành lập, học bổng này đã trao cho gần 7.000 học sinh, sinh viên, trong đó trên 90% sinh viên ra trường có việc làm ổn định. Tổng số tiền đã trao cho sinh viên đến nay là 3,3 tỷ đồng. Hiện, số vốn gốc vẫn còn được gửi trong ngân hàng để hằng năm lấy lãi, phát cho học sinh.

CHƯƠNG TRÌNH TRI ÂN ĐỐI TÁC "ĐẤT VÀNG GẮN KẾT - KHÍ TỤ VƯƠN XA"

Diễn ra vào ngày 25/01/2026 tại Long Xuyên, An Giang, sự kiện được tổ chức bởi NAVICO như một lời tri ân sâu sắc từ Ban lãnh đạo dành cho hơn 100 hộ nông dân hợp tác nuôi cá - những người đã đồng hành cùng Tập đoàn trong suốt chặng đường phát triển. Đây là dịp để các bên cùng nhìn lại hành trình đã qua, chia sẻ những khó khăn, thành tựu và vun đắp cho mối quan hệ hợp tác ngày càng bền chặt hơn.

Nhờ sự tư vấn về vốn, hỗ trợ kỹ thuật và cam kết bao tiêu đầu ra từ NAVICO, các hộ nuôi cá từng bước hiện đại hóa quy trình, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, góp phần đưa ngành cá tra Việt Nam phát triển mạnh mẽ trên trường quốc tế.











CHƯƠNG TRÌNH CHÀO MỪNG HỘ NUÔI GIA CÔNG CÁ RÔ "LIÊN MINH CHIẾN LƯỢC - MẢNH GHÉP THÀNH CÔNG"





Vào ngày 28/01/2026 tại Long Xuyên, An Giang, chương trình được NAVICO tổ chức nhằm chào mừng và gắn kết các hộ nuôi gia công cá rô - những đối tác quan trọng trong chuỗi liên kết sản xuất của Tập đoàn. Sự kiện không chỉ là dịp để các bên gặp gỡ, trao đổi và củng cố niềm tin hợp tác, mà còn khẳng định vai trò đồng hành chặt chẽ giữa NAVICO và các hộ nuôi trong hành trình phát triển vùng nguyên liệu ổn định, bền vững.

Thông qua định hướng liên kết chiến lược, hỗ trợ kỹ thuật, đồng hành trong tổ chức sản xuất và cam kết phát triển lâu dài, NAVICO cùng các hộ nuôi từng bước hoàn thiện mô hình hợp tác hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu chuỗi giá trị và tạo nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững trong thời gian tới.



TRAO QUÀ TẾT THIẾT THỰC CHO 6.000 CBCNV, NGƯỜI LAO ĐỘNG - TRAO XUÂN VUI ẤM ÁP

Kiên định với triết lý "lấy con người làm trung tâm", NAVICO luôn tâm niệm nền tảng vững chắc nhất của sự phát triển bền vững chính là đời sống an túc của người lao động. Ngay trong những ngày đầu xuân 2026, triết lý ấy tiếp tục được hiện thực hóa mạnh mẽ thông qua việc kích hoạt Quỹ An sinh Xã hội Doãn Tới (với tổng quy mô vốn 104 tỷ đồng). Hơn 7 tỷ đồng từ Quỹ đã được trích xuất để trao gửi trực tiếp những phần quà "Khai xuân" thiết thực hơn 6.000 cán bộ, công nhân viên toàn Tập đoàn.

Không chỉ là lời chúc bình an đầu năm, cơ cấu quà tặng được thiết kế minh bạch theo từng nấc thang thâm niên (từ 800.000 VNĐ đến 1.600.000 VNĐ), như một sự ghi nhận công bằng và trân trọng sâu sắc đối với hành trình cống hiến của từng cá nhân. Dù biến động thị trường ra sao, NAVICO luôn nỗ lực giữ vững cam kết "không ai bị bỏ lại phía sau", bởi chúng tôi tin rằng: Thành công vĩ đại nhất của một doanh nghiệp không chỉ đo đếm bằng những con số tăng trưởng, mà ở sự gắn kết vững bền của những con người an tâm ở lại và sẵn sàng cùng Tập đoàn vươn xa.

HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN

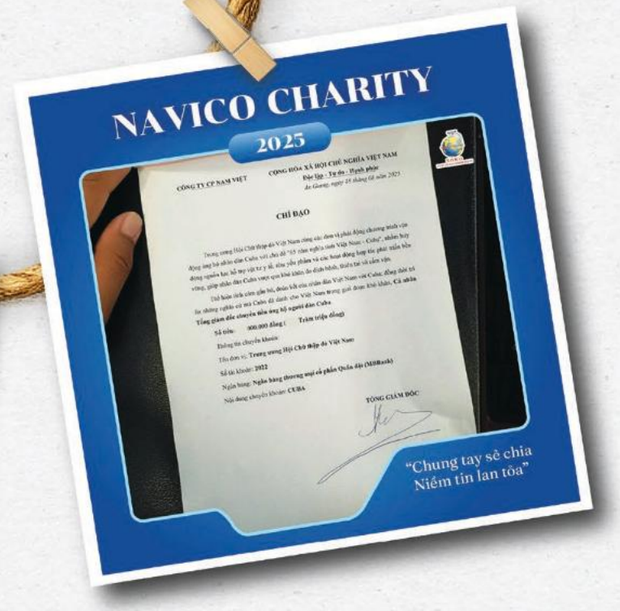
Xuyên suốt hành trình phát triển, NAVICO luôn tâm niệm tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với trách nhiệm và sự thấu cảm dành cho xã hội. Với tinh thần tương thân tương ái, cam kết này được hiện thực hóa bằng những hành động sẻ chia chân thành cùng đồng bào cả nước: từ việc duy trì Quỹ Khuyến tài Doãn Tới tài trợ cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó, đến việc kịp thời sát cánh cùng miền Trung khắc phục hậu quả thiên tai.

Vượt ra khỏi biên giới quốc gia, tấm lòng và sự đồng hành của NAVICO tiếp tục được lan tỏa đến cộng đồng quốc tế thông qua các hoạt động thiết thực như san sẻ khó khăn với nhân dân Cuba, hay sát cánh cùng đối tác Bonsiri hỗ trợ người dân chịu ảnh hưởng bởi xung đột Campuchia - Thái Lan. Đối với NAVICO, phát triển bền vững không đơn thuần là những con số, mà là sự gắn kết từ tâm huyết, mang lại giá trị nhân văn và điểm tựa vững chắc cho cộng đồng dù ở bất kỳ đâu.









GIẢI THƯỞNG, CHỨNG NHẬN VÀ BẰNG KHEN TRONG NĂM 2025

28/08/2025: NAVICO nhận Giấy khen vì thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2020 - 2025.

10/10/2025: NAVICO nhận Bằng khen vì thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang năm 2025 cùng vinh danh các cá nhân đã xuất sắc đóng góp vào sự phát triển của tỉnh.

04/11/2025: NAVICO được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về "An ninh, trật tự" năm 2025.

08/01/2026: NAVICO nhận Bằng khen vì thành tích xuất sắc trong thực hiện thu, nộp ngân sách Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

17/01/2026: NAVICO được vinh danh Top 1 Doanh nghiệp Xuất khẩu Xuất sắc tỉnh An Giang năm 2025 tại lễ Tổng kết Xuất khẩu Thủy sản năm 2025.



















GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ngoài những chính sách đãi ngộ, NAVICO đặc biệt quan tâm đến hoạt động đào tạo huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Trong năm qua, Công ty đã nghiêm túc thực hiện theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết về một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

Nhóm	Đối tượng tham gia đào tạo	Số giờ đào tạo
1	Người quản lý phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 16 giờ
2	Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 48 giờ
3	Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 24 giờ
4	Người lao động không thuộc các nhóm 1, 2, 3 và 5, bao gồm cả người học nghề, tập nghề, thử việc để làm việc cho người sử dụng lao động	Ít nhất 16 giờ
5	Người làm công tác y tế	Ít nhất 56 giờ
6	An toàn, vệ sinh	Ít nhất 4 giờ

HỘI CHỢ

Trong năm 2025, NAVICO tích cực tham gia các hội chợ thủy sản quốc tế tại nhiều thị trường trọng điểm như Việt Nam, Boston, Thanh Đảo, Barcelona, Mexico, Nga,... nhằm mở rộng mạng lưới khách hàng tiềm năng, tăng cường giao lưu hợp tác và cập nhật xu hướng ngành. Đồng thời, đây cũng là cơ hội để doanh nghiệp củng cố mối quan hệ với các đối tác, khách hàng hiện hữu, gia tăng sự gắn kết và phát triển bền vững trên thị trường toàn cầu.

HỘI CHỢ BOSTON





HỘI CHỢ BARCELONA



HỘI CHỢ NGA



HỘI CHỢ THANH ĐẢO



HỘI CHỢ VIETFISH









CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ ĐẦU TƯ GIÁO DỤC

Phát triển bền vững là chìa khóa cho một tương lai tốt đẹp hơn, hướng đến sự cân bằng hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường. Trong đó, phát triển xã hội và đầu tư giáo dục đóng vai trò nền tảng, góp phần xây dựng cộng đồng thịnh vượng và nâng cao chất lượng cuộc sống con người.

2. THỰC HIỆN MINH BẠCH GIỜ CÔNG, TIỀN LƯƠNG, CÁC CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI XÃ HỘI

- **Minh bạch thông tin:** Công khai rõ ràng giờ làm việc, mức lương, chế độ phúc lợi xã hội cho người lao động, tạo dựng lòng tin, sự hài lòng và gắn kết của nhân viên với doanh nghiệp.
- **Công bằng trong phân phối:** Đảm bảo mức lương, chế độ phúc lợi được phân bổ công bằng dựa trên năng lực, hiệu quả công việc và đóng góp của người lao động.
- **Hỗ trợ đời sống:** Cung cấp các chế độ phúc lợi xã hội hợp lý như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, hỗ trợ nhà ở, học bổng,... giúp người lao động an tâm công tác và nâng cao chất lượng cuộc sống.

3. ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

- **Tuân thủ luật lao động**
Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về lao động, đảm bảo quyền lợi cơ bản của người lao động như quyền nghỉ phép, quyền tham gia công đoàn,...

- **Tạo môi trường làm việc an toàn**
Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh, phù hợp với điều kiện sức khỏe của người lao động.

- **Lắng nghe và giải quyết khiếu nại**
Thiết lập kênh giao tiếp hiệu quả để lắng nghe, tiếp thu ý kiến và giải quyết khiếu nại của người lao động một cách thấu đáo, công bằng.

- **Chăm sóc sức khỏe**
Cung cấp các chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ cho người lao động, hỗ trợ điều trị khi gặp vấn đề sức khỏe liên quan đến công việc.

- **Nâng cao nhận thức**
Tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục, nâng cao nhận thức về an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động.

- **Nâng cao trình độ chuyên môn**
Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

4. TÍCH CỰC ĐÓNG GÓP CHO XÃ HỘI

- Tham gia tích cực vào các hoạt động cộng đồng, tổ chức nhiều chương trình từ thiện, thực thi trọn vẹn trách nhiệm xã hội của một doanh nghiệp tiên phong.
- Mở rộng các quỹ khuyến tài, khuyến học, kêu gọi thêm mạnh thường quân đóng góp nhằm tăng cơ hội cho các bạn trẻ có hoàn cảnh khó khăn nhận được hỗ trợ để tiếp tục đến trường.

5. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tiếp tục áp dụng quy trình và công nghệ thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất; tạo môi trường làm việc an toàn và thân thiện; nghiên cứu, phát triển và áp dụng công nghệ mới nhằm tối ưu hóa hiệu suất và giảm lượng chất thải; sử dụng tài nguyên hợp lý và bền vững; đồng thời không ngừng tìm kiếm các phương án tái chế, tái sử dụng và nguồn tài nguyên thay thế.
- Tuân thủ tuyệt đối các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện kiểm soát chặt chẽ khâu xử lý chất thải nhằm hạn chế tối đa tác động đến môi trường.
- Triển khai các chương trình giáo dục và hoạt động cộng đồng nhằm tăng cường ý thức về bảo vệ môi trường; liên kết với các tổ chức, cộng đồng để đóng góp vào các dự án bảo vệ môi trường.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

NAVICO định hướng áp dụng các thông lệ quản trị tiên tiến theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và IFC thúc đẩy, trên cơ sở tham chiếu các khuyến nghị của OECD. Trọng tâm là thực hành đầy đủ 10 nguyên tắc cốt lõi về Hội đồng quản trị, kiểm soát nội bộ, minh bạch thông tin, quyền cổ đông và quan hệ với các bên liên quan, qua đó nâng cao hiệu quả quản trị và củng cố nền tảng phát triển bền vững.

Trong năm 2025, HĐQT đánh giá và xác nhận rằng Công ty đã không những thực hiện tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc công tác QTCT tại Tập đoàn Nam Việt theo quy định pháp luật công bố mà chất lượng cũng phần cải thiện nhờ tập trung:

1. Quản trị công ty là nền tảng bảo đảm tăng trưởng bền vững, minh bạch và hiệu quả

Cơ cấu quản trị của NAVICO được tổ chức theo hướng phân định rõ vai trò giữa HĐQT, Ban Điều hành và các bộ phận chức năng, nhằm bảo đảm tính giám sát, điều hành và thực thi nhất quán.

Chú trọng xây dựng cơ cấu quản trị cân bằng, đa dạng và nâng cao chất lượng ra quyết định. Trong năm báo cáo, nữ giới chiếm 30% thành viên HĐQT, thể hiện định hướng thúc đẩy sự đa dạng trong quản trị cấp cao, mở rộng góc nhìn chiến lược và nâng cao hiệu quả giám sát, điều hành theo thông lệ tốt.

Toàn bộ hoạt động quản trị của NAVICO được dẫn dắt bởi 5 giá trị cốt lõi gồm: Nhân văn - Con người là nền tảng phát triển; Bản lĩnh kinh doanh - Kiên định và tiên phong; Tận tâm trong từng chi tiết; Chính trực, minh bạch; Bản sắc Việt - Chuẩn mực và Tư duy toàn cầu. Đây là những giá trị văn hóa doanh nghiệp, là nguyên tắc xuyên suốt trong quá trình hoạch định chiến lược, điều hành hoạt động và xây dựng quan hệ với các bên liên quan.

2. Việc công bố thông tin liên quan đến quản trị công ty cần bảo đảm tính minh bạch, nhất quán và tin cậy

NAVICO thực hiện công bố thông tin theo định hướng minh bạch, rõ ràng, chuyên nghiệp, đầy đủ, kịp thời và nhất quán, phù hợp với các quy định pháp luật và yêu cầu quản trị công ty. Công ty xem minh bạch thông tin là cơ sở quan trọng để cổ đông, nhà đầu tư và thị trường có thể theo dõi, đánh giá khách quan về tình hình hoạt động, năng lực quản trị và triển vọng phát triển của doanh nghiệp.

Các nội dung công bố không chỉ phản ánh kết quả hoạt động trong kỳ, mà còn thể hiện định hướng điều hành, các yếu tố rủi ro, cơ hội tăng trưởng và cam kết dài hạn của NAVICO trong quản trị doanh nghiệp. Qua đó, Công ty hướng đến việc tăng cường trách nhiệm giải trình, củng cố niềm tin thị trường và nâng cao uy tín doanh nghiệp.

3. Khung quản trị công ty cần cho phép đối thoại hiệu quả giữa doanh nghiệp với cổ đông và các bên liên quan

Doanh nghiệp duy trì cơ chế tương tác và đối thoại với các bên liên quan nhằm tiếp nhận ý kiến, nhận diện các vấn đề trọng yếu và hoàn thiện chất lượng quản trị. Công ty xác định việc lắng nghe và phản hồi kịp thời là một phần quan trọng trong quản trị hiện đại, góp phần tăng cường sự đồng thuận, minh bạch và gắn kết dài hạn thông qua các buổi họp hội đồng cổ đông thường niên cũng như các sự kiện nội bộ Tri Ân, Analyst Meeting,...

Trên cơ sở đó, NAVICO từng bước hoàn thiện cơ chế quản trị theo hướng chủ động hơn trong đối thoại, minh bạch hơn trong truyền thông và hiệu quả hơn trong phối hợp giữa các cấp quản trị, điều hành và thực thi. Đây là điều kiện quan trọng để Công ty nâng cao năng lực thích ứng, củng cố nền tảng nội lực và phát triển bền vững trong dài hạn.

4. NAVICO tiếp tục hoàn thiện quản trị công ty theo hướng hiện đại và hội nhập

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh ngày càng biến động, NAVICO xác định quản trị công ty không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ, mà cần được nâng lên thành năng lực cạnh tranh cốt lõi. Vì vậy, Công ty tiếp tục hoàn thiện quy trình quản trị, tăng cường tính phối hợp giữa các cấp điều hành, nâng cao chất lượng giám sát và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý.

NAVICO cam kết không ngừng nâng cao hiệu quả quản trị, củng cố chuẩn mực minh bạch, phát huy giá trị cốt lõi và thúc đẩy cơ cấu quản trị đa dạng, cân bằng hơn. Đây sẽ là nền tảng quan trọng để Công ty gia tăng giá trị doanh nghiệp, nâng cao niềm tin của thị trường và đồng hành bền vững cùng các bên liên quan trong chặng đường phát triển tiếp theo.

5. NAVICO cam kết nâng tầm quản trị thông qua các chiến lược trọng tâm



01

Nâng cao hiệu quả quản trị

NAVICO định hướng xây dựng hệ thống quản trị minh bạch, chuyên nghiệp và hiệu quả thông qua việc công khai thông tin và chuẩn hóa quy trình quản lý.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại và các giải pháp quản trị tiên tiến nhằm tối ưu vận hành, hướng tới chuẩn mực quốc tế và tạo nền tảng vững chắc.

02

Hoàn thiện cơ cấu quản trị

Xây dựng và hoàn thiện cơ cấu quản trị theo hướng ngày càng vững mạnh, tiệm cận các chuẩn mực quốc tế.

Tăng cường hiệu quả hoạt động của các ban lãnh đạo, ban quản lý và các phòng ban chức năng.

Nâng cao năng lực quản trị cho đội ngũ cán bộ, nhân viên.





03

Nâng cao kiến thức và kỹ năng quản trị

Tổ chức thường xuyên các chương trình đào tạo chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp cho cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp.

Cử cán bộ đi tham gia các khóa học quản trị uy tín trong và ngoài nước.

Áp dụng các phương pháp quản trị tiên tiến vào thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp.

CHƯƠNG 06

BÁO CÁO

TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị **Công ty Cổ phần Nam Việt** (sau đây gọi tắt là "**Công ty**") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ thứ 17 ngày 23 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp.

TRỤ SỞ CHÍNH



- Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại: +84 (0296) 383 4060
- Fax: +84 (0296) 383 4054

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau đây đều đặt tại Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, P. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ:
- Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt
- Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Ấn Độ Dương - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt
- Nhà máy Dầu cá Bột cá Ấn Độ Dương - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

SẢN XUẤT

- Nuôi cá
- Sản xuất bao bì giấy
- In bao bì các loại
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản
- Sản xuất dầu Bio-diesel: dầu cá và bột cá
- Sản xuất và mua bán phân bón
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản
- Sản xuất và bán buôn thuốc thú y, thủy sản
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời
- Sản xuất keo Gelatin và Glycerin (nguyên liệu để sản xuất vỏ con nhộng chứa thuốc)
- Trồng lúa

HẠ TẦNG & VẬN TẢI

- Lắp đặt hệ thống điện
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Truyền tải và phân phối điện

XÂY DỰNG

- Xây dựng nhà để ở
- Xây dựng nhà không để ở
- Xây dựng công trình đường sắt
- Xây dựng công trình đường bộ
- Xây dựng công trình thủy
- Xây dựng công trình khai khoáng
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo

THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

- Mua bán cá, thủy sản
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Khai thác khoáng sản: Crômit, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (sắt, đồng, chì, kẽm)
- Bán buôn hóa chất
- Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Cho thuê nhà, đất không phải để ở như văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm và nhà kho





TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập **Báo cáo tài chính hợp nhất** phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HĐQT Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Thay mặt Hội đồng quản trị,
CHỦ TỊCH
Lê Lập Nghiệp

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Hoàng Thái Vượng
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1
Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Phan Vũ Công Bá
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**3.476.485.727.551**	**2.585.543.414.472**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**45.722.178.140**	**219.090.199.195**
1. Tiền	111		34.061.077.001	53.490.199.195
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.661.101.139	165.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**602.446.094.366**	**56.058.725.174**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	602.446.094.366	56.058.725.174
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.258.074.587.441**	**551.733.574.259**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.044.635.313.575	517.702.281.862
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	190.812.192.261	47.959.359.882
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	216.014.506	234.718.093
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	58.982.267.280	27.278.200.658
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(36.571.200.181)	(44.138.865.762)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	2.697.879.526
IV. Hàng tồn kho	**140**		**1.421.516.166.777**	**1.653.282.219.581**
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.437.598.361.571	1.683.573.590.902
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(16.082.194.794)	(30.291.371.321)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**148.726.700.827**	**105.378.696.263**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	48.268.943.817	30.128.189.519
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		100.457.757.010	75.250.506.744
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	**154**		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	**155**		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(B) TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**2.348.229.739.323**	**2.276.727.103.433**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**34.470.215.000**	**67.348.629.277**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	38.300.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	34.470.215.000	67.310.329.277
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**1.102.107.620.611**	**1.073.395.596.112**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	489.153.088.550	311.948.526.359
- Nguyên giá	222		1.725.558.194.119	1.453.709.267.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.236.405.105.569)	(1.141.760.741.466)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	279.037.917.629	421.782.092.255
- Nguyên giá	225		384.853.529.281	521.881.145.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(105.815.611.652)	(100.099.053.250)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	333.916.614.432	339.664.977.498
- Nguyên giá	228		375.235.022.868	375.235.022.868
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.318.408.436)	(35.570.045.370)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**446.571.890.566**	**974.419.923.154**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	446.571.890.566	974.419.923.154
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**68.601.470.338**	**67.794.651.510**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	61.660.931.313	60.892.542.473
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	20.304.000.000	20.304.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(13.363.460.975)	(13.401.890.963)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**696.478.542.808**	**93.768.303.380**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	691.559.598.284	86.306.890.066
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	4.918.944.524	7.461.413.314

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**5.824.715.466.874**	**4.862.270.517.905**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(C) NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**2.297.846.759.468**	**2.068.623.925.072**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**2.230.874.234.646**	**1.943.670.022.007**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	315.489.462.981	150.196.745.195
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	27.412.520.128	33.112.132.226
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	151.281.511.184	33.049.349.555
4. Phải trả người lao động	314	V.18	87.358.582.685	49.539.215.353
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	29.012.941.756	17.156.150.464
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.678.118.897	1.537.890.276
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	18.019.966.812	34.132.742.479
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1.600.292.650.898	1.624.469.317.154
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	328.479.305	476.479.305
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**66.972.524.822**	**124.953.903.065**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.23	12.019.722.618	12.582.066.570
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	53.171.320.060	110.561.009.109
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	1.781.482.144	1.810.827.386
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**3.526. 868.707.406**	**2.793.646.592.833**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**3.526.868.707.406**	**2.793.646.592.833**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	2.666.675.000.000	2.666.675.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		2.666.675.000.000	2.666.675.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	21.489.209.100	21.489.209.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.25	(27.587.629.848)	(27.587.629.848)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	866.292.128.154	133.070.013.581
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối luỹ kế đến cuối kỳ trước	*421a*		-	133.070.013.581
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		866.292.128.154	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**5.824.715.466.874**	**4.862.270.517.905**

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**6.992.490.669.181**	**4.939.111.900.770**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**VI.2**	**40.982.410.816**	**27.845.927.857**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**6.951.508.258.365**	**4.911.265.972.913**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.3**	**5.328.575.951.004**	**4.350.893.868.111**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**1.622.932.307.361**	**560.372.104.802**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	**VI.4**	**50.364.302.461**	**32.616.939.987**
7. Chi phí tài chính	**22**	**VI.5**	**73.622.297.697**	**103.483.384.141**
Trong đó: chi phí lãi vay	23		68.099.345.481	91.346.541.557
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	**24**	**V.2b**	**768.388.840**	**(4.085.674.940)**
9. Chi phí bán hàng	**25**	**VI.6**	**378.621.556.607**	**280.323.845.208**
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**26**	**VI.7**	**71.899.249.428**	**85.814.451.161**
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**1.149.921.894.930**	**119.281.689.339**
12. Thu nhập khác	**31**	**VI.8**	**6.025.292.945**	**15.229.153.460**
13. Chi phí khác	**32**	**VI.9**	**3.657.469.025**	**55.997.256.641**
14. Lợi nhuận khác	**40**		**2.367.823.920**	**(40.768.103.181)**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**1.152.289.718.850**	**78.513.586.158**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**51**	**V.17**	**150.298.730.729**	**25.509.970.957**
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**52**	**V.14, V.24**	**2.513.123.548**	**5.171.441.554**
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**999.477.864.573**	**47.832.173.647**
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	**61**		**999.477.864.573**	**47.832.173.647**
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	**62**	-	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.10**	**3.754**	**179**
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**VI.10**	**3.754**	**179**

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**1.152.289.718.850**	**78.513.586.158**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, 11, 12	135.102.161.803	117.193.982.583
- Các khoản dự phòng	03	V.2c, 7, 8	(19.576.736.428)	20.591.695.781
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(381.523.648)	(2.037.461.303)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b, V.14, 9	(13.342.816.402)	(4.019.590.289)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	68.099.345.481	91.346.541.557
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**1.322.190.129.656**	**301.588.754.487**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(671.147.701.249)	(173.206.171.645)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		245.975.229.331	(680.091.249.032)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		191.378.967.750	65.444.718.352
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.664.198.531	272.132.362
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, 20, VI.5	(68.021.263.429)	(92.533.025.443)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(28.894.429.522)	(53.040.181.419)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(148.000.000)	(218.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**997.997.131.068**	**728.399.475.726**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, 13, VII	(282.278.530.114)	(160.728.874.784)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8	23.112.245.647	29.366.138.076
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a, 5	(865.151.953.456)	(88.473.954.610)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a, 5	318.821.587.851	105.527.637.073
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a, V.14	8.487.289.376	3.356.215.192
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(797.009.360.696)**	**(110.952.839.053)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	4.719.501.707.485	4.181.758.416.331
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(4.679.064.554.609)	(4.380.565.057.550)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(149.611.960.765)	(131.423.335.485)
6. Cổ thức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, 25	(266.079.046.000)	(108.135.816.893)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(375.253.853.889)**	**(438.365.813.597)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(174.266.083.517)**	**179.080.823.076**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**219.090.199.195**	**39.671.072.278**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		898.062.462	338.303.841
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**45.722.178.140**	**219.090.199.195**

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập

M.S.D.N: 1600168736 - C.T.C.P. CÔNG TY CP NAM VIỆT PHONG XUYÊN - T. AN GIANG

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn**
   Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh**
   Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

3. **Ngành nghề kinh doanh**
   Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Sản xuất điện năng lượng mặt trời; Lắp đặt hệ thống điện ; Xây dựng công trình.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
   Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. **Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**
   Doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn năm nay tăng trưởng đáng kể so với năm trước, chủ yếu do sản lượng xuất khẩu sang thị trường châu Mỹ gia tăng mạnh.

6. **Cấu trúc Tập đoàn**
   Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ (đầu năm có 07 công ty con). Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.



6a. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Lô 4A, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	Lô 4A, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Sản xuất thức ăn thủy sản	100%	100%	100%	100%

6b. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất collagen, gelatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50% (số đầu năm là 50%).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

   Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

   Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

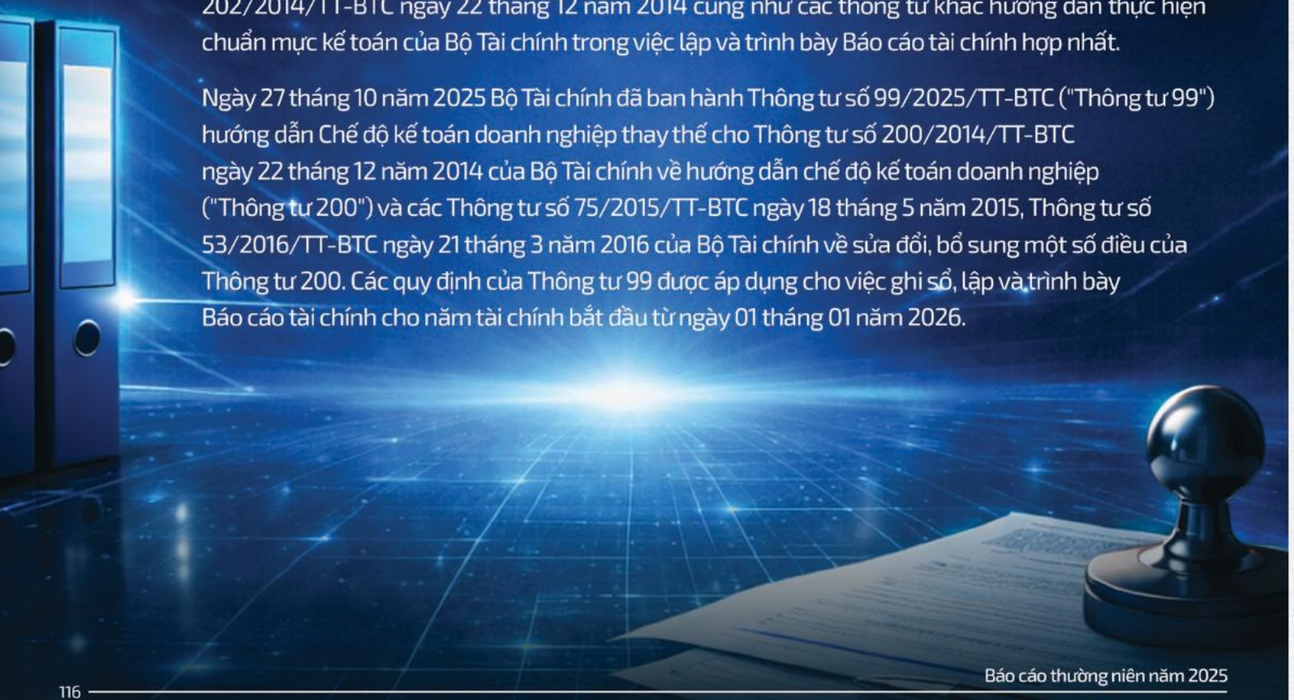
1. **Chế độ kế toán áp dụng**

   Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

   Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

   Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. CƠ SỞ HỢP NHẤT

- Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.
- Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

- Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÁC KHOẢN CHO VAY

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN CỦA ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng số vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG CỤ, DỤNG CỤ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

KHOẢN LỖ CỦA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH BÁN VÀ THUÊ LẠI LÀ THUÊ TÀI CHÍNH

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

TIỀN THUÊ ĐẤT

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

CHI PHÍ SỬA CHỮA

Chi phí sửa chữa tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị. Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. TÀI SẢN THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.
Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 18

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Máy móc và thiết bị	05 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

CHƯƠNG TRÌNH PHẦN MỀM MÁY TÍNH

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 06 năm.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

GÓP VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CỔ PHIẾU QUỸ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

17. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Dại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và được Hội đồng quản trị thông báo chia cổ tức.

18. GHI NHẬN DOANH THU VÀ THU NHẬP

DOANH THU BÁN HÀNG HOÁ, THÀNH PHẨM

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

DOANH THU BÁN ĐIỆN

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận chỉ số điện giữa Tập đoàn và Điện lực.

TIỀN LÃI

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CỔ TỨC VÀ LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. CÁC KHOẢN CHI PHÍ

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.525.654.580	397.752.286
Tiền gửi ngân hàng	32.535.422.421	53.092.446.909
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	11.661.101.139	165.600.000.000
Cộng	**45.722.178.140**	**219.090.199.195**

Các khoản tương đương tiền đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21a) và khoản mở thư tín dụng của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

Các khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 246.246.094.366 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited (xem thuyết minh số V.21a) và khoản mở thư tín dụng của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội.

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	69.240.000.000	69.240.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(7.579.068.687)	(8.347.457.527)
Cộng	**61.660.931.313**	**60.892.542.473**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư 69.240.000.000 VND tương đương 50% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên doanh như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	60.892.542.473	64.978.217.413
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	768.388.840	(4.085.674.940)
Số cuối năm	**61.660.931.313**	**60.892.542.473**

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt hoạt động bình thường.

Giao dịch với công ty liên doanh
Trong năm, Tập đoàn phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Amicogen Nam Việt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê	115.740.744	248.740.744
Doanh thu bán thành phẩm	24.423.533.200	10.845.309.000
Mua nguyên vật liệu	3.149.933.867	1.306.980.268
Chi phí lò hơi	1.170.438.720	487.593.238

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tập đoàn đầu tư 2.030.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa, chiếm tỷ lệ 5,08% vốn điều lệ của công ty này.

Giá trị hợp lý
Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.401.890.963	13.465.774.820
Hoàn nhập dự phòng	(38.429.988)	(63.883.857)
Số cuối năm	**13.363.460.975**	**13.401.890.963**

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Năm nay	Năm trước
Phải thu các bên liên quan	**5.659.459.041**	**3.655.519.681**
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	5.659.459.041	3.180.129.815
Công ty TNHH Đại Tây Dương	-	475.389.866
Phải thu các khách hàng khác	**1.038.975.854.534**	**514.046.762.181**
Các khách hàng nước ngoài	938.442.259.419	436.920.041.958
Các khách hàng trong nước	100.533.595.115	77.126.720.223
Cộng	**1.044.635.313.575**	**517.702.281.862**

Khoản phải thu có giá trị 210.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.21a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp nước ngoài	10.460.202.591	1.673.934.815
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	113.637.465.169	23.879.273.651
Các nhà cung cấp trong nước khác	66.714.524.501	22.406.151.416
Cộng	**190.812.192.261**	**47.959.359.882**

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho vay các cá nhân

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	4.022.784.981	-	4.188.801.441	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.936.187.183	-	873.202.635	-
Lãi cho vay dự thu	9.688.596	-	5.648.667	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	28.718.955.703	-	135.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	21.294.650.817	(905.633.550)	22.075.547.915	(949.133.550)
Cộng	**58.982.267.280**	**(905.633.550)**	**27.278.200.658**	**(949.133.550)**

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	34.470.215.000	-	67.038.885.277	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	-	271.444.000	-
Cộng	**34.470.215.000**	**-**	**67.310.329.277**	**-**

7. Nợ xấu

	Số đầu năm		Số cuối năm	
Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền bán hàng	**39.608.793.101**	**3.943.226.470**		**49.916.635.481**	**8.965.418.937**
Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	7.608.900.000	5.326.230.000
Từ 01 năm đến dưới 02 năm	7.608.900.000	3.804.450.000	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	462.588.234	231.294.117
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	462.588.234	138.776.470	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	36.642.622.500	3.407.894.820
Từ 03 năm trở lên	31.537.304.867	-	Từ trên 03 năm trở lên	5.202.524.747	-
Phải thu khác	**921.633.550**	**16.000.000**		**4.163.013.076**	**975.363.858**
Từ 01 năm đến dưới 02 năm	20.000.000	10.000.000	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	20.000.000	10.000.000
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	20.000.000	6.000.000	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	3.217.879.526	965.363.858
Từ 03 năm trở lên	881.633.550	-	Từ 03 năm trở lên	925.133.550	-
Cộng	**40.530.426.651**	**3.959.226.470**		**54.079.648.557**	**9.940.782.795**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải trả khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	44.138.865.762	42.315.950.065
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	(5.329.149.913)	7.230.262.341
Xóa nợ	(2.238.515.668)	(5.407.346.644)
Số cuối năm	**36.571.200.181**	**44.138.865.762**

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	4.841.846.100	-	3.449.972.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	663.619.207.958	-	607.195.955.131	-
Công cụ, dụng cụ	10.512.892.477	-	7.140.585.586	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	233.078.045.587	-	499.977.909.657	-
Thành phẩm	525.540.515.674	(16.082.194.794)	522.819.395.820	(28.881.245.993)
Hàng hóa	5.853.775	-	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-	42.989.772.708	(1.410.125.328)
Cộng	**1.437.598.361.571**	**(16.082.194.794)**	**1.683.573.590.902**	**(30.291.371.321)**

Hàng tồn kho có trị giá 243.816.319.587 VND (số đầu năm là 421.640.622.017 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội (xem thuyết minh số V.21a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	30.291.371.321	16.866.054.024
Trích lập dự phòng bổ sung	(14.209.176.527)	13.425.317.297
Số cuối năm	**16.082.194.794**	**30.291.371.321**

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	-	1.068.733.336
Công cụ, dụng cụ	8.559.910.437	4.879.334.877
Chi phí sửa chữa	10.092.984.914	8.154.709.610
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.616.048.466	16.025.411.696
Cộng	**48.268.943.817**	**30.128.189.519**

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	636.111.560.217	50.594.830.814
Công cụ, dụng cụ	10.328.876.918	860.613.903
Chi phí sửa chữa	12.761.514.667	13.217.785.789
Khoản lỗ của tài sản bán và thuê lại	14.848.920.628	16.215.598.813
Các chi phí trả trước dài hạn khác	17.508.725.854	5.418.060.747
Cộng	**691.559.598.284**	**86.306.890.066**

10. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tăng giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	433.251.208.386	88.629.937.119	521.881.145.505
Thuê tài chính trong năm	-	28.592.641.818	28.592.641.818
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(165.620.258.042)	-	(165.620.258.042)
Số cuối năm	**267.630.950.344**	**117.222.578.937**	**384.853.529.281**
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	93.809.958.133	6.289.095.117	100.099.053.250

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Khấu hao trong năm	36.823.889.069	18.879.602.790	55.703.491.859
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(49.986.933.457)	-	(49.986.933.457)
Số cuối năm	**80.646.913.745**	**25.168.697.907**	**105.815.611.652**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	339.441.250.253	82.340.842.002	421.782.092.255
Số cuối năm	**186.984.036.599**	**92.053.881.030**	**279.037.917.629**

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	374.954.031.868	280.991.000	375.235.022.868
Số cuối năm	**374.954.031.868**	**280.991.000**	**375.235.022.868**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.204.952.117	280.991.000	2.485.943.117
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	35.289.054.370	280.991.000	35.570.045.370
Khấu hao trong năm	5.748.363.066	-	5.748.363.066
Số cuối năm	**41.037.417.436**	**280.991.000**	**41.318.408.436**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	339.664.977.498	-	339.664.977.498
Số cuối năm	333.916.614.432	-	333.916.614.432
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 93.201.995.356 VND (số đầu năm là 95.647.250.410 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TNHH MTV HSBC và Ngân hàng TMCP Quân đội (xem thuyết minh số V.21a).

13. Chi phí xây dựng dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	83.197.310.003	109.364.600.326	(47.032.792.165)	-	145.529.118.164
Thuê tài chính	12.772.851.000	-	(6.000.000.000)	-	6.772.851.000
Xây dựng cơ bản dở dang	874.160.445.847	83.096.540.194	(35.879.185.690)	(631.226.475.759)	290.151.324.592
Dự án khu nuôi trồng thủy sản Bình Phú	649.047.446.813	59.229.451.643	(31.783.320.542)	(630.317.727.020)	46.175.850.894
Tiền mua đất (i)	614.923.710.739	15.156.619.308	-	(630.057.661.047)	22.669.000
Chi phí xây dựng các hạng mục công trình	29.328.008.448	36.979.169.778	(22.783.429.121)	(260.065.973)	43.263.683.132
Chi phí đào ao	4.795.727.626	7.093.662.557	(8.999.891.421)	-	2.889.498.762
Dự án các khu nuôi trồng thủy sản khác - Đất	209.428.754.654	-	-	-	209.428.754.654
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	4.062.537.873	12.124.237.853	(187.442.798)	(20.346.838)	15.978.986.090
Nhà máy chế biến thức ăn	3.609.290.241	6.391.059.602	(3.753.654.911)	(471.653.256)	5.775.041.676
Các hạng mục khác	8.012.416.266	5.351.791.096	(154.767.439)	(416.748.645)	12.792.691.278
Sửa chữa lớn tài sản cố định	**4.289.316.304**	**8.769.435.084**	**(517.779.795)**	**(8.422.374.783)**	**4.118.596.810**
Cộng	**974.419.923.154**	**201.230.575.604**	**(89.429.757.650)**	**(639.648.850.542)**	**446.571.890.566**

(i) Tập đoàn mua lại quyền sử dụng đất của các hộ dân. Quyền sử dụng đất đã chuyển sang tên của các cá nhân được Tập đoàn ủy quyền. Trong năm, quyền sử dụng đất có giá trị là 630.057.661.047 VND được chuyển sang chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" để phân bổ dần vào chi phí.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.461.413.314	11.738.233.698
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(2.542.468.790)	(4.276.820.384)
Số cuối năm	**4.918.944.524**	**7.461.413.314**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% - 20%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	**14.543.625.576**	**5.701.818.145**
Công ty TNHH Đại Tây Dương	14.543.625.576	5.701.818.145
Phải trả các nhà cung cấp khác	**300.945.837.405**	**144.494.927.050**
Các nhà cung cấp trong nước	266.321.608.693	129.963.073.813
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	23.479.394.639	13.722.716.736
Các nhà cung cấp nước ngoài	11.144.834.073	809.136.501
Cộng	**315.489.462.981**	**150.196.745.195**

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	10.302.268.109	6.304.285.859
Các khách hàng nước ngoài	17.110.252.019	26.807.846.367
Cộng	**27.412.520.128**	**33.112.132.226**

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.343.385.097	13.134.030.756	(15.145.026.322)	332.389.531
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.312.315.446	(3.312.315.446)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	886.719.621	(886.719.621)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	28.960.212.173	150.298.730.729	(28.894.429.522)	150.364.513.380
Thuế thu nhập cá nhân	1.611.853.235	16.901.428.930	(18.071.894.458)	441.387.707
Thuế tài nguyên	13.382.384	159.149.948	(158.128.432)	14.403.900
Tiền thuê đất	120.516.666	72.310.000	(72.310.000)	120.516.666
Các loại thuế khác	-	198.037.624	(197.597.624)	440.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khá	-	7.860.000	-	7.860.000
Cộng	**33.049.349.555**	**184.970.583.054**	**(66.738.421.425)**	**151.281.511.184**

(*) Tập đoàn đã điều chỉnh hồi tố số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt do bị Cục thuế TP. Cần Thơ truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước liên quan đến việc loại trừ chi phí mua hàng của cá nhân không kinh doanh.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thành phẩm xuất khẩu	**0%**
Cá nguyên liệu	
+ Công ty tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân	**Không chịu thuế**
+ Công ty mua ngoài bán cho tổ chức	**Không kê khai**
+ Công ty mua ngoài bán cho cá nhân	**5%**
Sản phẩm, dịch vụ khác (i)	**10%**

(i) Năm 2025, các công ty trong Tập đoàn được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% cho một số hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2025 trở đi, Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo từng hoạt động sau:

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2020 là năm đầu tiên Tập đoàn có thu nhập từ hoạt động này.
- Thu nhập từ hoạt động nuôi trồng trong địa bàn khó khăn được áp dụng thuế suất 10%.
- Thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 15%.
- Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nam Việt	106.352.009.771	64.093.258
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	30.699.381.950	6.349.294.282
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	2.315.991.619	7.431.637.854
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	3.280.880.932	3.139.239.658
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	428.971.755	406.007.893
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	468.251.105	447.543.557
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	708.685	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	6.752.534.912	7.672.154.455
Cộng	**150.298.730.729**	**25.509.970.957**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 5.000 VND/m^3 x 8%.

Thuế đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và các khoản chi cuối năm còn phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	3.794.553.438	2.833.026.604
Chi phí cước tàu	2.371.292.300	2.189.774.970
Chi phí hoa hồng môi giới	16.626.896.221	8.822.371.844
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.220.199.797	3.310.977.046
Cộng	**29.012.941.756**	**17.156.150.464**

20. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	**-**	**14.966.219.180**
Công ty TNHH Đại Tây Dương - thu hộ	-	14.966.219.180
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	**18.019.966.812**	**19.166.523.299**
Lãi vay phải trả	-	883.444.782
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	10.274.547.167	9.686.532.387
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	937.530.000	1.508.480.000
Cổ tức phải trả	2.300.332.899	2.123.628.899
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.507.556.746	4.964.437.231
Cộng	**18.019.966.812**	**34.132.742.479**

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	**1.548.827.710.943**	**1.487.952.036.593**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (a)	483.453.594.843	388.182.461.381
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (b)	399.309.034.549	299.585.856.489
Ngân hàng TMCP Quân đội (c)	182.521.800.218	37.044.376.661
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited (d)	134.718.296.606	191.168.900.860
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (e)	107.244.230.252	156.306.667.506
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (f)	92.573.115.975	85.111.599.951
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (g)	83.743.892.500	45.084.546.620
Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (h)	65.263.746.000	9.676.568.075
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	-	159.287.911.290
Ngân hàng Đại chúng TNHH KasikornBank	-	116.503.147.760
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	**4.315.308.210**
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	-	**9.999.999.996**
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	**51.464.939.955**	**122.201.972.355**
Cộng	**1.600.292.650.898**	**1.624.469.317.154**

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12) của Tập đoàn.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp chấp khoản phải thu (xem thuyết minh số V.3) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12) của Tập đoàn.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12) của Tập đoàn.

(d) Khoản vay Ngân hàng TNHH The Siam Commercial Bank Public Company Limited để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a).

(e) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mẹ bảo lãnh (xem thuyết minh số VIII.1a).

(f) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a), và khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.3) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12) của Tập đoàn.

(g) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) và bảo lãnh cá nhân của Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mẹ (xem thuyết minh số VIII.1a).

(h) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.1) của Tập đoàn.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm được trình bày tại Phụ lục 02 đính kèm.

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	-	**6.666.666.684**
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	-	6.666.666.684
Vay dài hạn cá nhân (i)	**150.000.000**	**150.000.000**
Nợ thuê tài chính	**53.021.320.060**	**103.744.342.425**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị	-	18.356.051.973
Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn	17.770.096.711	36.580.322.774
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để mua máy móc thiết bị	-	1.061.632.630
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	12.868.526.428	14.725.217.047
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – Sumi Trust để mua sắm tài sản cố định	22.382.696.921	33.021.118.001
Cộng	**53.171.320.060**	**110.561.009.109**

(i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Tổng nợ
Số cuối năm			
Vay dài hạn cá nhân	-	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	51.464.939.955	53.021.320.060	104.486.260.015
Cộng	**51.464.939.955**	**53.171.320.060**	**104.636.260.015**
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	9.999.999.996	6.666.666.684	16.666.666.680
Vay dài hạn cá nhân	-	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	122.201.972.355	103.744.342.425	225.946.314.780
Cộng	**132.201.972.351**	**110.561.009.109**	**242.762.981.460**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	6.666.666.684	-	(6.666.666.684)	-	-
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	-	-	150.000.000
Nợ thuê tài chính	103.744.342.425	28.151.906.000	(15.842.841.169)	(63.032.087.196)	53.021.320.060
Cộng	**110.561.009.109**	**28.151.906.000**	**(22.509.507.853)**	**(63.032.087.196)**	**53.171.320.060**

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	312.848.145	(148.000.000)	164.848.145
Cộng	**476.479.305**	**(148.000.000)**	**328.479.305**

23. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh do giao dịch với công ty liên doanh.

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến xử lý khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con.
Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.810.827.386	916.206.216
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(29.345.242)	894.621.170
Số cuối năm	**1.781.482.144**	**1.810.827.386**

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Doãn Tới	1.466.100.000.000	1.436.100.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	295.288.000.000	343.200.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	1.419.980.000	1.419.980.000
Các cổ đông khác	899.749.520.000	881.837.520.000
Cộng	**2.662.557.500.000**	**2.662.557.500.000**

25c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	266.667.500	266.667.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	266.667.500	266.667.500
- *Cổ phiếu phổ thông*	*266.667.500*	*266.667.500*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- *Cổ phiếu phổ thông*	*411.750*	*411.750*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	266.255.750	266.255.750
- *Cổ phiếu phổ thông*	*266.255.750*	*266.255.750*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty mẹ đã chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 5%/mệnh giá và tạm ứng cổ tức năm 2025 với tỷ lệ 5%/mệnh giá tương đương tổng số tiền là 266.255.750.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 54/NQ.ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 86/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 10 năm 2025.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

26a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	563.540,44	99.651,07
Euro (EUR)	2.802,97	2.821,04
Dollar Úc (AUD)	153,16	772,28
Rub Nga (RUB)	1.629,59	2.952,31

26b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	**VNĐ**	**Nguyên tệ**	**VNĐ**
Khách hàng nước ngoài	9.718.204,85	188.579.975.866	9.718.204,85	188.579.975.866
Khách hàng trong nước	-	24.892.800.723	-	21.844.921.197
Cộng	**-**	**213.472.776.589**	**-**	**210.424.897.063**

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	6.837.221.402.339	4.813.410.742.803
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	100.083.776.259	109.284.916.207
Doanh thu khác	55.185.490.583	16.416.241.760
Cộng	**6.992.490.669.181**	**4.939.111.900.770**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên doanh được trình bày tại thuyết minh số V.2b, Tập đoàn chỉ phát sinh các giao dịch về bán điện năng lượng mặt trời cho Công ty TNHH Đại Tây Dương với số tiền là 1.293.458.001 VND (năm trước là 8.962.158.679VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	19.042.807.397	24.105.102.510
Giảm giá hàng bán	21.939.603.419	3.740.825.347
Cộng	**40.982.410.816**	**27.845.927.857**

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	5.003.711.975.495	4.298.128.485.361
Giá vốn của điện năng lượng mặt trời	32.030.013.128	31.899.176.681
Giá vốn khác	307.043.138.908	7.440.888.772
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.209.176.527)	13.425.317.297
Cộng	**5.328.575.951.004**	**4.350.893.868.111**

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	12.489.037.029	2.806.659.149
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.571.372	23.733.325
Lãi tiền cho vay	65.276.824	94.476.765
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	27.203.694.132	24.548.888.994
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	381.523.648	2.037.461.303
Lãi bán hàng trả chậm	10.050.670.369	2.925.259.950
Doanh thu hoạt động tài chính khác	144.529.087	180.460.501
Cộng	**50.364.302.461**	**32.616.939.987**

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	68.099.345.481	91.346.541.557
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.160.584.848	11.942.094.710
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(38.429.988)	(63.883.857)
Chi phí tài chính khác	400.797.356	258.631.731
Cộng	**73.622.297.697**	**103.483.384.141**

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.592.382.141	7.225.514.532
Chi phí vật liệu, bao bì	274.334.595	285.751.316
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.919.889.086	1.024.473.709
Chi phí hoa hồng	71.005.646.589	45.268.938.135
Chi phí vận chuyển	196.081.960.280	162.985.443.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.591.391.647	54.816.005.579
Các chi phí khác	13.155.952.269	8.717.718.382
Cộng	**378.621.556.607**	**280.323.845.208**

7. Chi phí quản lí doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	45.999.847.995	45.439.967.507
Chi phí vật liệu quản lý	1.604.227.154	1.445.006.897
Chi phí đồ dùng văn phòng	702.416.767	621.568.315
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.359.259.591	4.741.270.671
Thuế, phí và lệ phí	5.790.748.875	4.936.885.261
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(5.329.149.913)	7.230.262.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.992.999.894	7.896.280.733
Các chi phí khác	13.778.899.065	13.503.209.436
Cộng	**71.899.249.428**	**85.814.451.161**

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	20.113.709	5.211.675.696
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	2.924.406.173	-
Xử lý công nợ tồn lâu	714.512.929	2.797.151.990
Xử lý kiểm kê thừa	-	4.706.779.505
Thu nhập khác	2.366.260.134	2.513.546.269
Cộng	**6.025.292.945**	**15.229.153.460**

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, truy thu	-	8.411.923.957
Phạt vi phạm hành chính	1.033.748.527	2.661.882.241
Xử lý công nợ tồn lâu	1.192.630.080	19.028.835.236
Hoàn trả tiền ưu đãi được hưởng	-	23.000.000.000
Chi phí hàng hóa bị hư hỏng	-	2.294.918.784
Các chi phí khác	1.431.090.418	599.696.423
Cộng	**3.657.469.025**	**55.997.256.641**

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	999.477.864.573	47.832.173.647
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(300.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	999.477.864.573	47.532.173.647
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	266.255.750	266.255.750
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**3.754**	**179**

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.030.312.602.428	1.995.214.846.903
Chi phí nhân công	864.753.328.362	698.773.521.433
Chi phí khấu hao tài sản cố định	135.102.161.803	117.193.982.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.327.807.179.031	936.689.213.006
Chi phí khác	105.198.673.852	91.358.687.649
Cộng	**5.463.173.945.476**	**3.839.230.251.574**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	22.592.641.818	123.798.683.299
Thuế VAT khấu trừ thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	2.559.264.182	11.992.322.208
Tạm nhập tài sản thuê tài chính chưa giải ngân	-	3.000.000.000
Nhận nợ thuê tài chính cho tài sản nhập năm trước	3.000.000.000	896.000.000

Số dư các khoản công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Phải trả tiền mua tài sản cố định	11.457.232.693	10.547.810.346
Trả trước tiền mua tài sản cố định	34.079.543.883	17.414.896.303

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành, quản lý (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên chủ chốt		
Ông Doãn Tới		
Chia cổ tức	146.610.000.000	35.902.500.000
Các thành viên chủ chốt khác		
Tạm ứng	1.557.999.000	742.890.000
Chia cổ tức	3.105.800.000	800.250.000
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Ông Doãn Chí Thanh	29.528.800.000	8.580.000.000
Chia cổ tức		
Ông Doãn Chí Thiên		
Tạm ứng	-	100.000.000
Chia cổ tức	141.998.000	35.499.500

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (xem thuyết minh số V.21a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt, Ủy ban kiểm toán và Ban kiểm toán nội bộ

	Cộng thu nhập
Năm nay	
Ông Đỗ Lập Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.347.026.735
Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	238.231.735
Bà Dương Thị Kim Hương – Phó Tổng Giám đốc	67.252.735
Ông Trần Minh Cảnh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.358.938.735
Ông Nguyễn Văn Vỹ – Phó Tổng Giám đốc	1.224.362.735
Ông Nguyễn Thanh Liêm - Phó Tổng Giám đốc	106.964.735
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên ủy ban kiểm toán	1.035.778.735
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm – Kế toán trưởng	576.644.810
Ông Lê Tiến Dũng – Trưởng ban kiểm toán nội bộ	329.998.735
Ông Dương Minh Phong – Thành viên ban kiểm toán nội bộ	209.814.112
Bà Nguyễn Thị Minh Ý – Thành viên độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	90.000.000
Cộng	**6.585.013.802**
Năm trước	
Ông Đỗ Lập Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.171.749.627
Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	228.756.000
Bà Dương Thị Kim Hương – Phó Tổng Giám đốc	108.756.000
Ông Trần Minh Cảnh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.166.513.746
Ông Nguyễn Văn Vỹ – Phó Tổng Giám đốc	919.292.000
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên ủy ban kiểm toán	576.705.000
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm – Kế toán trưởng	474.765.277
Bà Nguyễn Thị Minh Ý – Thành viên độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	50.000.000
Ông Dương Minh Phong – Thành viên ban kiểm toán nội bộ	324.918.000
Ông Lê Tiến Dũng – Trưởng ban kiểm toán nội bộ	178.055.000
Cộng	**5.199.510.650**

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 núi	Công ty do Phó Tổng Giám đốc Công ty mẹ thành lập

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Thuê kho	72.122.228.316	41.068.474.870
Phí sử dụng hạ tầng	1.165.324.507	1.254.726.255
Mua tài sản	4.220.156.960	267.370.000
Thu hộ tiền điện, chi phí khác	9.349.271.913	45.701.746.621
Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 Núi		
Mua vật tư	-	31.640.400

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các lý thuyết mình sở V.3, V.15 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.
Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	5.194.506.790.201	3.209.981.791.417
Trong nước	1.757.001.468.164	1.701.284.181.496
Cộng	**6.951.508.258.365**	**4.911.265.972.913**

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất chế biến thủy sản chiếm tỷ lệ 98% trên tổng doanh thu của Tập đoàn (năm trước 98%).

3. Số liệu so sánh

Tập đoàn đã điều chỉnh hồi tố số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt do bị Cục thuế TP. Cần Thơ truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước liên quan đến việc loại trừ chi phí mua hàng của cá nhân không kinh doanh. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	30.002.116.119	3.047.233.436	33.049.349.555
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	136.117.247.017	(3.047.233.436)	133.070.013.581

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2026

M.S.D.N: 1600168736 - C.T.C.P
CÔNG TY CP NAM VIỆT
P. LONG XUYÊN - T. AN GIANG

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 01: BẢNG TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	382.299.972.725	795.879.124.002	136.812.633.763	21.320.621.079	117.396.916.256	1.453.709.267.825
Mua trong năm	-	80.336.560.496	38.482.058.071	3.098.092.370	-	121.916.710.937
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.244.482.283	10.181.195.300	2.507.545.381	-	8.463.742.521	36.396.965.485
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	165.620.258.042	-	-	-	165.620.258.042
Thanh lý, nhượng bán	(2.602.307.546)	(26.409.610.381)	(22.953.561.111)	-	(62.818.182)	(52.028.297.220)
Phân loại lại	-	-	-	-	(56.710.950)	(56.710.950)
Số cuối năm	**394.942.147.462**	**1.025.607.527.459**	**154.848.676.104**	**24.418.713.449**	**125.741.129.645**	**1.725.558.194.119**
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	257.479.681.904	461.479.866.841	58.200.453.833	7.900.816.631	27.620.684.975	812.681.504.184
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	323.703.661.055	641.098.275.620	100.446.093.214	14.792.441.198	61.720.270.379	1.141.760.741.466
Khấu hao trong năm	11.179.665.107	39.392.881.738	13.373.393.103	2.213.889.884	7.490.477.046	73.650.306.878
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	49.986.933.457	-	-	-	49.986.933.457
Thanh lý, nhượng bán	(2.602.307.546)	(25.216.783.991)	(1.054.255.563)	-	(62.818.182)	(28.936.165.282)
Phân loại lại	-	-	-	-	(56.710.950)	(56.710.950)
Số cuối năm	**332.281.018.616**	**705.261.306.824**	**112.765.230.754**	**17.006.331.082**	**69.091.218.293**	**1.236.405.105.569**
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	58.596.311.670	154.780.848.382	36.366.540.549	6.528.179.881	55.676.645.877	311.948.526.359
Số cuối năm	**62.661.128.846**	**320.346.220.635**	**42.083.445.350**	**7.412.382.367**	**56.649.911.352**	**489.153.088.550**
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 02: BẢNG TĂNG, GIẢM VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.487.952.036.593	4.719.501.707.485	-	(4.658.082.579.719)	(543.453.416)	1.548.827.710.943
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	4.315.308.210	-	-	(4.315.308.210)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	9.999.999.996	-	-	(9.999.999.996)	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	122.201.972.355	-	63.032.087.196	(133.769.119.596)	-	51.464.939.955
Cộng	**1.624.469.317.154**	**4.719.501.707.485**	**63.032.087.196**	**(4.806.167.007.521)**	**(543.453.416)**	**1.600.292.650.898**

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 03: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn góp chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.335.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.486.427.760.870	2.815.725.590.122
Điều chỉnh do thay đổi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(3.047.233.436)	(3.047.233.436)
Số dư đầu năm trước được trình bày lại	1.335.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.483.380.527.434	2.812.678.356.686
Phát hành cổ phiếu trong năm trước	1.331.278.750.000	-	-	(1.331.278.750.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	47.832.173.647	47.832.173.647
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(66.563.937.500)	(66.563.937.500)
Số dư cuối năm trước	**2.666.675.000.000**	**21.489.209.100**	**(27.587.629.848)**	**133.070.013.581**	**2.793.646.592.833**
Số dư đầu năm nay	2.666.675.000.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	133.070.013.581	2.793.646.592.833
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	999.477.864.573	999.477.864.573
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(266.255.750.000)	(266.255.750.000)
Số dư cuối năm nay	**2.666.675.000.000**	**21.489.209.100**	**(27.587.629.848)**	**866.292.128.154**	**3.526.868.707.406**

An Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
19D Trần Hưng Đạo, P. Long Xuyên, An Giang
(0296) 3834 065 - (0296) 3834 060.
(0296) 3835 054 - (0296) 3932 486.
www.navicorp.com.vn